

**loBỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Lê Ngọc Thái

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Văn Tường

HẢI PHÒNG - 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TNHH CÔNG NGHIỆP ẮC QUY HẢI PHÒNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Lê Ngọc Thái
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Văn Tường**

HẢI PHÒNG – 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Lê Ngọc Thái

Mã SV: 1413401003

Lớp: QTL801K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Công nghiệp Ấc quy Hải Phòng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu tính toán và các bản vẽ).
 - Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.
 - Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Công nghiệp Ấc Quy Hải Phòng. Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Công nghiệp Ấc Quy Hải Phòng
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Sử dụng số liệu kế toán năm 2015 của Công ty TNHH Công nghiệp Ấc Quy Hải Phòng.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
 - Công ty TNHH Công nghiệp Ấc Quy Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Phạm Văn Tường

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Công nghiệp Ấc quy Hải Phòng.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 18 tháng 04 năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 05 tháng 07 năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Lê Ngọc Thái

ThS. Phạm Văn Tường

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2016

Hiệu trưởng

GS.TS.NSUT Trần Hữu Nghị

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết.
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp;
- Luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao.
- Đảm bảo đúng tiến độ của đề tài theo thời gian đã quy định.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Kết cấu của khoá luận được tác giả sắp xếp tương đối hợp lý, khoa học bao gồm 3 chương :

Chương I: Lý luận chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương II: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Công nghiệp Ấc quy Hải Phòng

Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Công nghiệp Ấc quy Hải Phòng

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bằng số:

Bằng chữ:

Hải Phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2016

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Phạm Văn Tường

Mục Lục

Mục Lục.....	7
LỜI MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG I.....	2
LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.....	2
1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	2
1.1.1. Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	2
1.1.2. Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	3
1.1.2.1. Doanh thu.....	3
1.1.2.2. Chi phí.....	6
1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh.....	8
1.1.3. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	8
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	9
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.....	9
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng.....	9
1.2.1.2. Tài khoản sử dụng.....	9
1.2.1.3. Phương pháp hạch toán.....	10
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	11
1.2.2.1. Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho.....	11
1.2.2.2. Chứng từ sử dụng.....	12
1.2.2.3. Tài khoản sử dụng.....	12
1.2.2.4. Phương pháp hạch toán.....	14
1.2.3.1. Chứng từ sử dụng.....	15
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng.....	15
1.2.3.3. Phương pháp hạch toán.....	15
1.2.4. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.....	16
1.2.4.1 Chứng từ sử dụng.....	16
1.2.4.2. Tài khoản sử dụng.....	16

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán.....	17
1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.....	19
1.2.5.1. Chứng từ sử dụng	19
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng	19
1.2.5.3. Phương pháp hạch toán.....	20
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	21
1.2.6.1. Chứng từ sử dụng	21
1.2.6.2. Tài khoản sử dụng	21
1.2.6.3. Phương pháp hạch toán.....	22
1.2.7. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	22
1.2.7.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung	22
1.2.7.2. Hình thức kế toán Nhật ký sổ cái	22
1.2.7.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	22
CHƯƠNG II.....	25
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP ÁC QUY HẢI PHÒNG.....	25
2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Công nghiệp Ác quy Hải Phòng... 25	25
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển	25
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh	26
2.1.3. Chức năng, nhiệm vụ của công ty.....	26
2.1.3.1. Chức năng của Công ty	26
2.1.3.2. Nhiệm vụ của Công ty.....	26
2.1.4. Cơ cấu tổ chức	27
2.1.5. Tổ chức công tác kế toán	30
2.1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán	30
2.1.5.2. Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp	33
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Công nghiệp Ác quy Hải Phòng	34
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH Công nghiệp Ác quy Hải Phòng.....	34
2.2.1.1. Tài khoản sử dụng	34
2.2.1.2. Chứng từ sử dụng	35
2.2.1.3. Quy trình hạch toán	35

2.2.1.5. Ví dụ minh họa	35
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Công nghiệp Ấc quy Hải Phòng.....	45
2.2.2.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng	45
2.2.2.2. Quy trình hạch toán	45
2.2.2.3 Ví dụ minh họa	46
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng.....	50
2.2.3.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng	50
2.2.3.2. Quy trình hạch toán	50
2.2.3.3. Ví dụ minh họa	51
2.2.4. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính tại Công ty TNHH Công nghiệp Ấc quy Hải Phòng.....	60
2.2.4.1. Nội dung của doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty TNHH Công nghiệp Ấc quy Hải Phòng	60
2.2.4.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng	60
2.2.4.3. Quy trình hạch toán	60
2.2.4.4. Ví dụ minh họa	62
2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.....	68
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	68
CHƯƠNG III MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP ẮC QUY HẢI PHÒNG	75
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Công nghiệp Ấc quy Hải Phòng	75
3.1.1. Ưu điểm	75
3.1.2. Nhược điểm	77
3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Công nghiệp ắc quy Hải Phòng.....	77
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Công nghiệp ắc quy Hải Phòng.	77
3.2.2. Một số nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện công tác kế toán	77
3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Công nghiệp Ấc quy Hải Phòng	78
3.2.3.1. Ý kiến 1: Mở sổ cái đúng hình thức Chứng từ ghi sổ.....	78

3.2.3.2. Ý kiến 2: Mở sổ chi tiết bán hàng và sổ chi tiết giá vốn hàng bán	80
3.2.3.3. Ý kiến 3: Mở sổ chi tiết chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	83
3.2.3.4. Ý kiến 4 : Hoàn thiện về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hóa, thành phẩm	86
3.2.3.5. Ý kiến 5: Hoàn thiện về việc trích lập phải thu khó đòi.....	88
3.2.3.6. Ý kiến 6: Hoàn thiện về việc tăng cường công tác thu hồi nợ.....	92
KẾT LUẬN	94

LỜI MỞ ĐẦU

Nước ta đang trong thời kỳ hội nhập với thế giới, đây là cơ hội tốt để các doanh nghiệp phát triển. Để tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường, các doanh nghiệp luôn cố gắng, nỗ lực nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của mình. Do phương thức và mặt hàng kinh doanh ngày càng phong phú và đa dạng nên từng doanh nghiệp phải làm tốt công tác quản lý, công tác tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Đây là công cụ giúp cho doanh nghiệp tồn tại và phát triển vững mạnh.

Qua quá trình tìm hiểu về tổ chức công tác kế toán tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Công nghiệp Ắc quy Hải Phòng, từ những kiến thức đã được học và thực tiễn, em quyết định chọn đề tài: ***“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Công nghiệp Ắc quy Hải Phòng”***

Bài khóa luận của em gồm 3 chương chính như sau:

Chương I: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương II: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Công nghiệp Ắc quy Hải Phòng

Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Công nghiệp Ắc quy Hải Phòng

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học dân lập Hải Phòng, đặc biệt là sự hướng dẫn tận tình của giáo viên hướng dẫn Thạc sĩ Phạm Văn Tường. Đồng thời em xin cảm ơn sự giúp đỡ của Ban lãnh đạo và tập thể nhân viên phòng kế toán công ty TNHH Công nghiệp Ắc quy Hải Phòng đã tạo điều kiện để em hoàn thành bài khóa luận này.

Do thời gian và trình độ có hạn nên bài viết này không thể tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

CHƯƠNG I**LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ****1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ*****1.1.1. Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ***

Để quản lý tốt hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng có rất nhiều công cụ khác nhau, trong đó kế toán là một công cụ hữu hiệu. Tổ chức công tác kế toán khoa học hợp lý là một trong những cơ sở cung cấp thông tin quan trọng nhất cho việc chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Để công cụ kế toán phát huy hết vai trò của mình, đòi hỏi các doanh nghiệp phải không ngừng cải tiến và hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nói chung cũng như kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Vì vậy, việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách khoa học, hợp lý và phù hợp có ý nghĩa quan trọng trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho doanh nghiệp, cơ quan quản lý để doanh nghiệp phát triển bền vững hơn.

❖ Đối với doanh nghiệp:

Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho các nhà quản trị doanh nghiệp nhìn nhận, đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình, trên cơ sở đó đưa ra những quyết định và phương hướng phát triển cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

❖ Đối với nhà đầu tư:

Thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trên báo cáo tài chính các nhà đầu tư sẽ phân tích đánh giá tình hình tài chính các nhà đầu tư sẽ phân tích đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp để có các quyết định đầu tư đúng đắn.

❖ Đối với tổ chức trung gian tài chính:

Đối với các Ngân hàng, các Công ty cho thuê tài chính thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều kiện tiên quyết để họ

tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính nhằm đưa ra các quyết định có nên cho vay không đối với doanh nghiệp đó.

❖ **Đối với cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế:**

Trên cơ sở các số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho Ngân sách quốc gia. Từ đó các nhà hoạch định chính sách quốc gia sẽ có cơ sở để đề ra các giải pháp phát triển kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.

1.1.2. Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.2.1. Doanh thu

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu. Doanh thu bao gồm:

✚ *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được từ việc bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có) trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng BTC thì doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thoả mãn 5 điều kiện:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

• **Thời điểm ghi nhận doanh thu theo các phương thức bán hàng:**

- *Phương thức bán hàng trực tiếp cho khách hàng:*

Theo phương thức này, căn cứ vào hợp đồng mua bán đã được ký kết, bên mua cử cán bộ đến nhận hàng tại kho của doanh nghiệp. Khi nhận hàng xong,

người nhận hàng ký xác nhận vào hoá đơn bán hàng và số hàng đó được xác định là tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

- *Phương thức gửi hàng cho khách:*

Là phương thức bên bán gửi hàng đi cho khách theo các điều kiện của hợp đồng kinh tế đã ký kết. Số hàng gửi đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của bên bán, khi khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua, giá trị hàng hoá đã được thực hiện và là thời điểm bên bán được ghi nhận doanh thu bán hàng.

- *Phương thức gửi đại lý, ký gửi:*

Theo phương thức này, doanh nghiệp xuất kho thành phẩm hàng hoá gửi đi bán cho khách hàng theo hợp đồng ký kết giữa hai bên. Khi hàng xuất kho gửi đi bán thì hàng chưa xác định là tiêu thụ. Hàng gửi bán chỉ hạch toán vào doanh thu khi doanh nghiệp đã nhận được tiền bán hàng do khách hàng trả, khách hàng đã nhận được hàng và chấp nhận thanh toán, khách hàng đã ứng trước tiền mua hàng về số hàng gửi đi bán. Chỉ khi nào được người mua chấp nhận thanh toán thì số hàng đó mới chính thức coi là tiêu thụ và doanh nghiệp có quyền ghi nhận doanh thu.

- *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:*

Theo phương thức này, khi bán hàng doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán hàng trả ngay, khách hàng được chậm trả tiền hàng và phải chịu phần lãi chậm trả theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng mua bán hàng. Phần lãi chậm trả được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi về trả chậm, trả góp.

- *Phương thức hàng đổi hàng:*

Theo phương pháp này, doanh nghiệp lấy sản phẩm của mình quy ra giá cả trên thị trường rồi dùng số tiền quy đổi đó để mua sản phẩm của đơn vị khác. Trong trường hợp này, doanh thu được tính theo giá sản phẩm cùng loại mà doanh nghiệp bán thu tiền.

✚ ***Các khoản giảm trừ doanh thu:***

Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng nộp theo phương pháp trực tiếp, được tính giảm trừ vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần, làm cơ sở để tính kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán.

*) **Chiết khấu thương mại:** là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng của từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

*) **Giảm giá hàng bán:** là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hoặc một phần hàng hoá kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

*) **Hàng bán bị trả lại:** là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế. hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận giá trị hàng bán bị trả lại đồng thời ghi nhận giảm tương ứng giá vốn hàng bán trong kỳ.

*) **Các loại thuế phải nộp Nhà nước:**

- Thuế tiêu thụ đặc biệt được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp cung cấp các loại sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất (hoặc các loại dịch vụ) thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB cho khách hàng.

- Thuế xuất khẩu được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp có hàng hoá được phép xuất khẩu qua cửa khẩu hay biên giới. Doanh nghiệp phải có nghĩa vụ nộp thuế xuất khẩu. Trong doanh thu của hàng xuất khẩu đã bao gồm số thuế xuất khẩu phải nộp vào ngân sách nhà nước.

- Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp là tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất tới tiêu dùng. Thuế GTGT phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ báo cáo.

Doanh thu thuần

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá dịch vụ, lãi cho thuê tài chính, thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản, cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng, thu nhập về các hoạt động đầu tư khác, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ...

Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ
- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn

✚ Thu nhập khác

Thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

Thu nhập khác quy định trong chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” bao gồm các khoản thu từ hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu gồm:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xoá sổ tính vào chi phí kỳ trước
- Khoản nợ phải trả nay đã mất chủ được ghi tăng thu nhập
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại
- Các khoản thu khác

Khoản thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ là tổng số tiền đã thu và sẽ thu được của người mua từ hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ. Các chi phí về thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi nhận là chi phí để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Thu được các khoản nợ phải thu đã xoá sổ tính vào chi phí của kỳ trước là khoản nợ phải thu khó đòi, xác định là không thu hồi được, đã được xử lý xoá sổ và tính vào chi phí để xác định kết quả kinh doanh trong các kỳ trước nay thu hồi được.

1.1.2.2. Chi phí

Chi phí là các khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cho các hoạt động khác... mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Chi phí bao gồm các khoản sau:

✚ Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của hàng hoá, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ.

- Đối với hàng hoá, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ giá vốn hàng bán là giá thành sản phẩm hay chi phí sản xuất.
- Đối với hàng hoá tiêu thụ, giá vốn hàng bán bao gồm trị giá mua của hàng đã tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ chi phí cho hàng tiêu thụ

✚ Chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh phản ánh các khoản chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ và hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn bộ doanh nghiệp.

✚ Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm : các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay, đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch chứng khoán, các khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ...

✚ Chi phí khác

Chi phí khác phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Chi phí khác bao gồm những khoản chi phí (hoặc khoản lỗ) phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp; cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước như: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm hàng hoá.

✚ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế × Thuế suất thuế TNDN

1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi, lỗ từ các loại hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận trước} & & \text{Lợi nhuận từ} & & \text{Lợi nhuận từ} & & \text{Lợi nhuận từ} \\ \text{thuế của doanh} & = & \text{hoạt động kinh} & + & \text{hoạt động tài} & + & \text{hoạt động} \\ \text{nghiệp} & & \text{doanh} & & \text{chính} & & \text{khác} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận từ hoạt} & & \text{Doanh thu} & & \text{Giá vốn hàng} & & \text{Chi phí quản lý} \\ \text{động kinh doanh} & = & \text{thuần} & - & \text{bán} & - & \text{kinh doanh} \end{array}$$

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận từ hoạt động tài} & & \text{Doanh thu hoạt động} & & \text{Chi phí hoạt động} \\ \text{chính} & = & \text{tài chính} & - & \text{tài chính} \end{array}$$

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận từ hoạt động khác} & = & \text{Thu nhập khác} & - & \text{Chi phí khác} \end{array}$$

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận sau thuế thu nhập} & & \text{Lợi nhuận trước} & & \text{Chi phí thuế thu nhập} \\ \text{doanh nghiệp} & = & \text{thuế của doanh} & - & \text{doanh nghiệp hiện} \\ & & \text{nghiệp} & & \text{hành} \end{array}$$

1.1.3. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã... đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ bán ra.
- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu và giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh để cuối kỳ tập hợp, doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh.
- Theo dõi thường xuyên, liên tục, tình hình biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác.
- Theo dõi chi tiết các tài khoản giảm trừ doanh thu, các khoản phải thu, chi phí từng hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

- Xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh, theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước.
- Cung cấp các thông tin kế toán chính xác, kịp thời phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.
- Đưa ra những kiến nghị, biện pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp cho ban lãnh đạo có những kế hoạch cụ thể cho hoạt động của doanh nghiệp.

1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn bán hàng thông thường, hóa đơn GTGT
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng,...
- Các chứng từ khác có liên quan...

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng

❖ TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

✓ Bên Nợ

- + Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ
- + Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.
- + Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.
- + Số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.
- + Số thuế giá trị gia tăng phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp.
- + Kết chuyển doanh thu thuần vào **TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.**

✓ Bên Có

- + Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

- *TK 511 không có số dư đầu kỳ.*
- *TK 511 có 4 tiểu khoản cấp 2 :*
 - *TK 5111 : Doanh thu bán hàng hoá*
 - *TK 5112 : Doanh thu bán các thành phẩm*
 - *TK 5113 : Doanh thu cung cấp dịch vụ*
 - *TK 5118 : Doanh thu khác*

❖ ***TK 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu***

✓ Các TK 521 (có 3 TK cấp 2) :

- + *TK 5211 – Chiết khấu thương mại*
- + *TK 5212 – Hàng bán bị trả lại*
- + *TK 5213 – Giảm giá hàng bán*

• ***TK 5211 – Chiết khấu thương mại:*** Phản ánh số giảm giá cho người mua hàng đối với khối lượng lớn được ghi trên hoá đơn bán hàng hoặc các chứng từ khác liên quan đến bán hàng.

• ***TK 5212 – Hàng bán bị trả lại:*** Phản ánh trị giá bán của số sản phẩm, hàng hoá đã bán bị khách hàng trả lại.

• ***TK 5213 – Giảm giá hàng bán:*** Phản ánh các khoản giảm giá hàng bán so với giá ghi trong Hoá đơn GTGT hoặc Hoá đơn bán hàng thông thường phát sinh trong kỳ.

✓ **Bên Nợ:**

- Trị giá hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào số nợ phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hoá đã bán ra.
- Các khoản giảm giá hàng hoá đã chấp nhận cho người mua hàng.

✓ **Bên Có:**

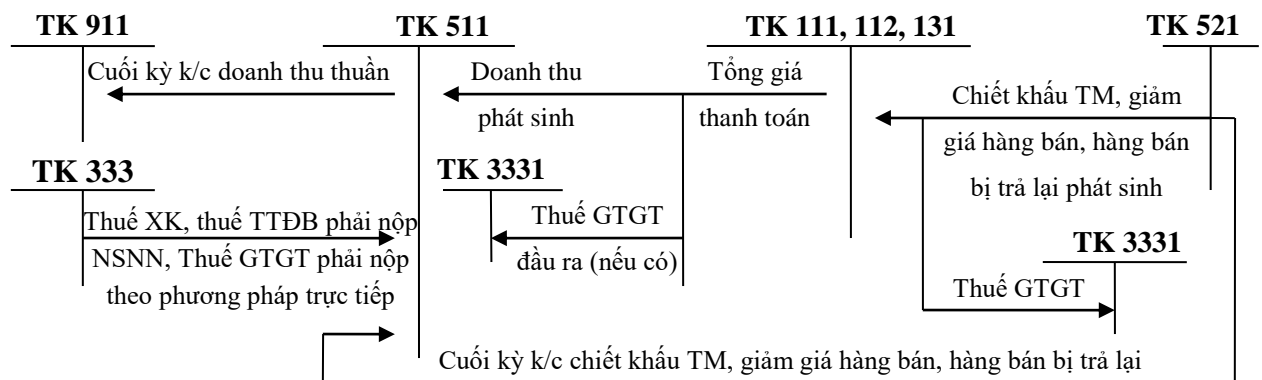
Kết chuyển toàn bộ các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ sang TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.

- + *TK 521 không có số dư.*

1.2.1.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát qua sơ đồ 1.1:

Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ



1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.2.1. Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho

Để tính giá trị hàng hoá xuất kho ta sử dụng công thức sau:

$$\text{Trị giá vốn hàng xuất kho} = \text{Số lượng hàng xuất kho} \times \text{Đơn giá hàng xuất kho}$$

Trong đó: Đơn giá hàng xuất kho được tính theo 1 trong 4 phương pháp sau:

✓ **Phương pháp bình quân gia quyền:**

Giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá đơn vị bình quân gia quyền có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

$$\text{Đơn giá xuất kho bình quân trong kỳ của một sản phẩm} = \frac{\text{Giá trị hàng tồn ĐK} + \text{giá trị hàng nhập TK}}{\text{Số lượng hàng tồn ĐK} + \text{số lượng hàng nhập TK}}$$

$$\text{Đơn giá xuất kho bình quân lần xuất thứ } i = \frac{\text{Giá trị hàng tồn ĐK} + \text{giá trị hàng nhập TK trước lần xuất thứ } i}{\text{Số lượng hàng tồn ĐK} + \text{số lượng hàng nhập TK trước lần xuất thứ } i}$$

✓ **Phương pháp nhập trước xuất trước :**

Phương pháp này được áp dụng dựa trên giả định hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp

này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ. Giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

✓ **Phương pháp nhập sau xuất trước :**

Phương pháp này được áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước. hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

✓ **Phương pháp tính theo giá đích danh:**

Phương pháp này được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

1.2.2.2. Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn bán hàng
- Phiếu xuất kho

1.2.2.3. Tài khoản sử dụng

Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên sử dụng tài khoản: **TK 632 – Giá vốn hàng bán.**

Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ sử dụng tài khoản: **TK 631 – Giá thành sản xuất**

TK 632 – Giá vốn hàng bán

❖ **Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán**

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ.

• **Trường hợp hạch toán HTK theo phương pháp kê khai thường xuyên:**

✓ **Bên Nợ:**

- + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- + Chi phí NVL, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- + Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- + Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.

+ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

✓ **Bên Có:**

+ Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang

TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

+ Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.

+ Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

- Tài khoản 632 không có số dư đầu kỳ.

• **Trường hợp hạch toán HTK theo phương pháp kiểm kê định kỳ:**

✓ **Bên Nợ:**

+ Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ;

+ Trị giá vốn của hàng hoá đã xuất bán trong kỳ;

+ Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.

+ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

✓ **Bên Có:**

+ Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ;

+ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính

+ Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã xuất bán vào bên Nợ Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

+ Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ;

- Tài khoản 632 không có số dư.

❖ **Tài khoản 631 – Giá thành sản xuất**

Tài khoản này dùng để phản ánh tổng hợp chi tiết sản xuất và tính giá thành dịch vụ ở các đơn vị sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp và các đơn vị kinh doanh dịch vụ vận tải, bưu điện, du lịch, khách sạn,... trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

✓ **Bên Nợ:**

+ Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ dở dang đầu kỳ.

+ Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ thực tế phát sinh trong kỳ.

✓ **Bên Có:**

+ Giá thành sản phẩm nhập kho, dịch vụ hoàn thành kết chuyển vào TK 632
– Giá vốn hàng bán.

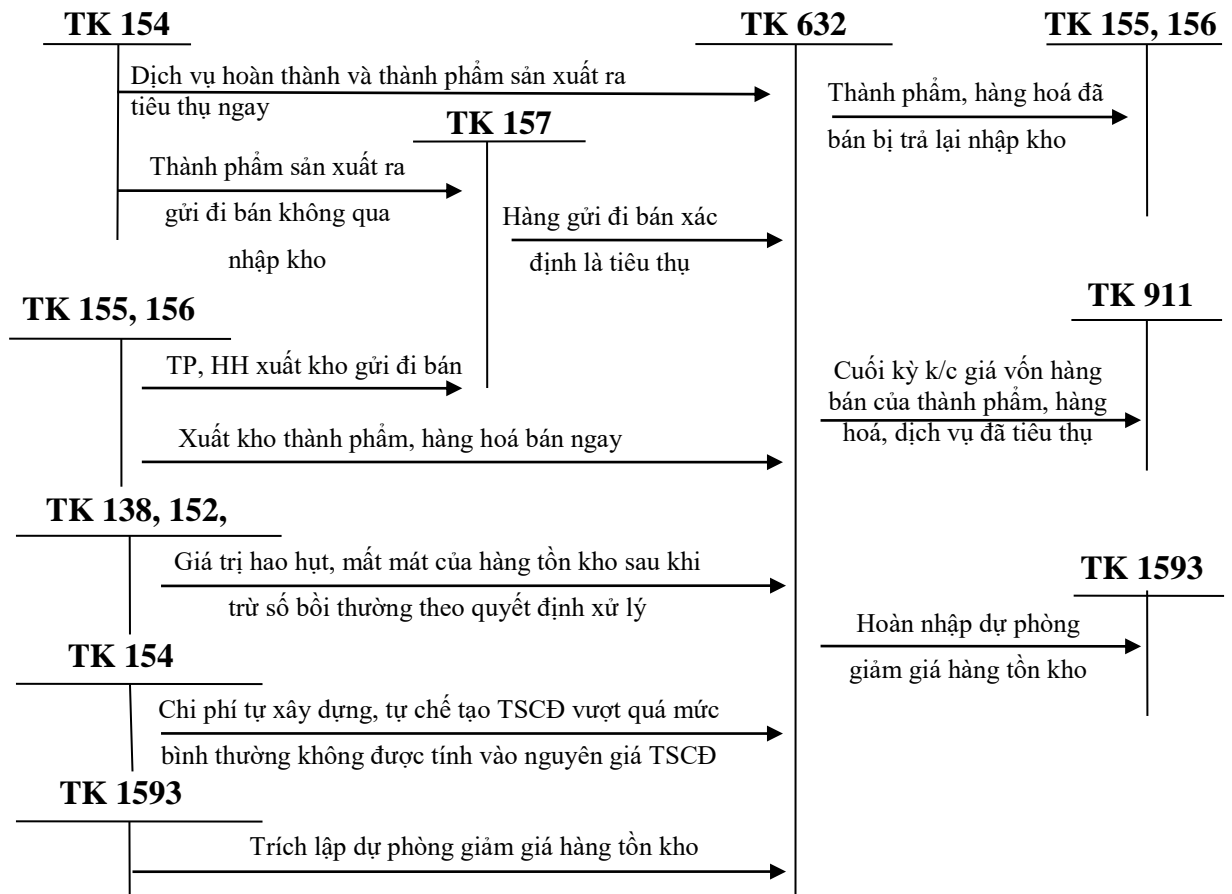
+ Chi phí sản xuất kinh doanh dịch vụ dở dang cuối kỳ kết chuyển vào TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

✓ Tài khoản 631 không có số dư.

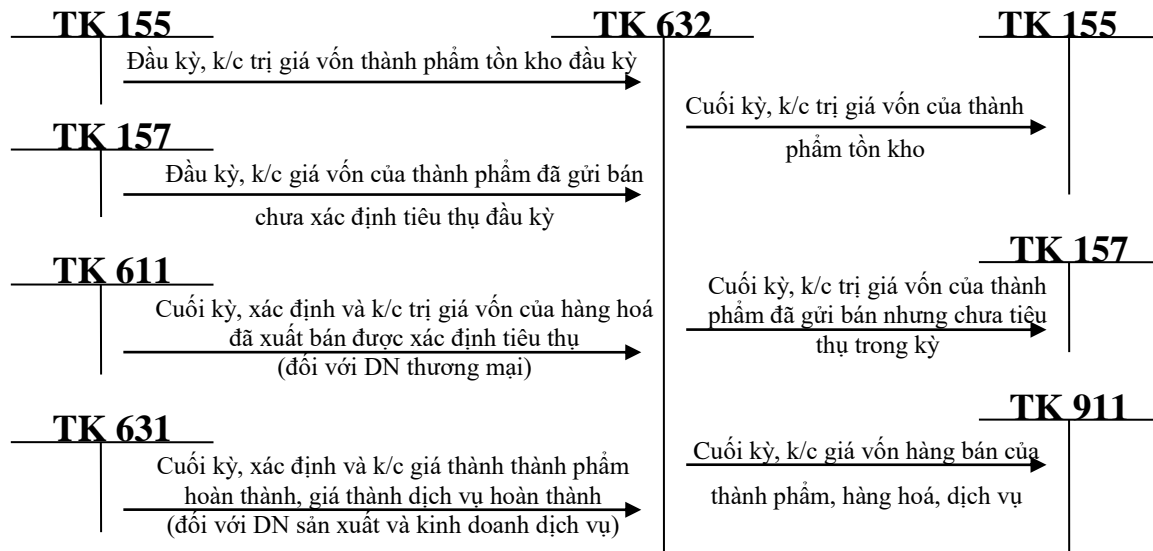
1.2.2.4. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán được khái quát thông qua hai sơ đồ 1.2 và sơ đồ 1.3:

Sơ đồ 1.2: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH,
- Bảng phân bổ vật liệu, CCDC
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Các chứng từ gốc có liên quan: Phiếu chi, Phiếu xuất kho, Phiếu kế toán...

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

❖ **TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh**

- Có 2 tài khoản cấp 2:
 - + TK 6421 – Chi phí bán hàng
 - +TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

✓ **Bên Nợ:**

- Chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ.

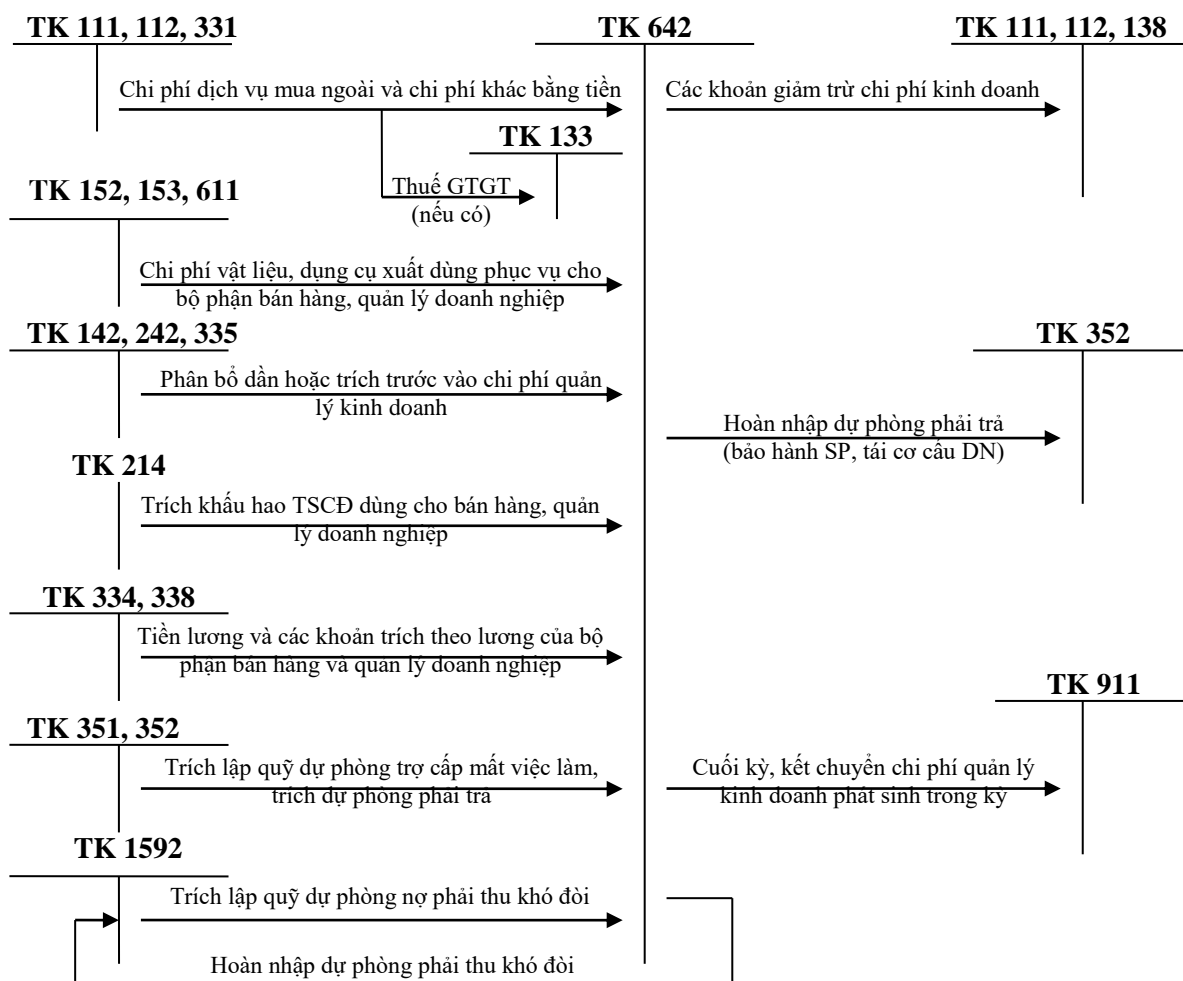
✓ **Bên Có:**

- Các khoản ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh trong kỳ.
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào bên Nợ **TK 911**.

✓ *Tài khoản 642 không có số dư.*

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.4: Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.4. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

1.2.4.1 Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo Nợ, giấy báo Có
- Phiếu kế toán

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

❖ TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

✓ Bên Nợ

- + Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- + Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 – Xác định

kết quả kinh doanh.

✓ Bên Có

- + Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia
- + Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- + Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- + Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh
- + Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ
- + Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- + Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (Giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.
- + Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

✓ *Tài khoản 515 không có số dư.*

❖ **TK 635 – Chi phí tài chính**

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

✓ **Bên Nợ**

- + Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.
- + Lỗ bán ngoại tệ
- + Chiết khấu thanh toán cho người mua
- + Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- + Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- + Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- + Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- + Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

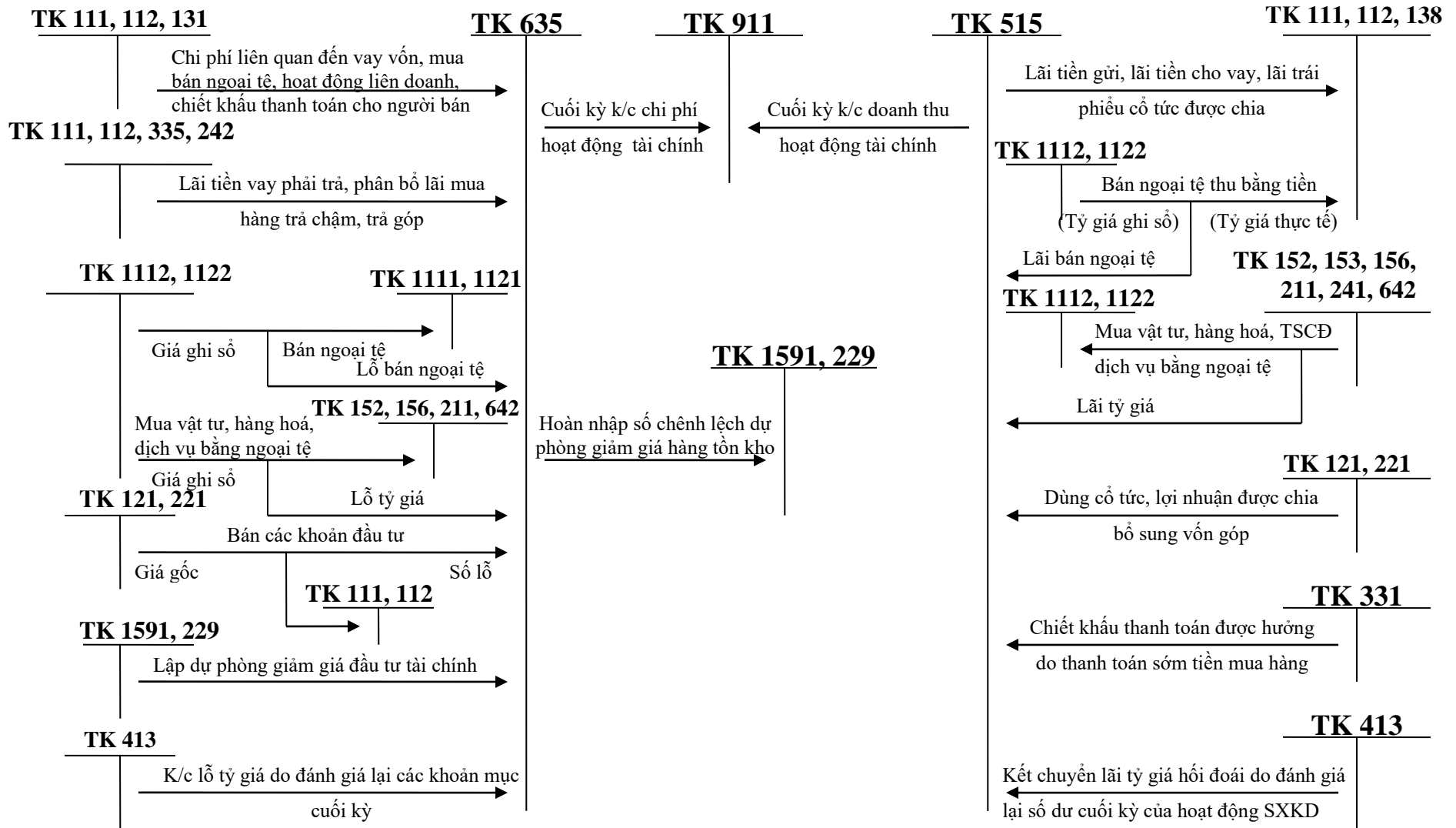
✓ **Bên Có**

- + Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- + Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

✓ *Tài khoản 635 không có số dư đầu kỳ.*

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính được thể hiện qua sơ đồ 1.5:



1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, phiếu chi, giấy báo có, giấy báo nợ...
- Các chứng từ liên quan khác

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng

❖ **TK 711 – Thu nhập khác**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

✓ **Bên Nợ**

+ Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp

+ Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang **TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh**.

✓ **Bên Có**

Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

- *Tài khoản 711 không có số dư.*

❖ **TK 811 – Chi phí khác**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

✓ **Bên Nợ**

Các khoản chi phí khác phát sinh

✓ **Bên Có**

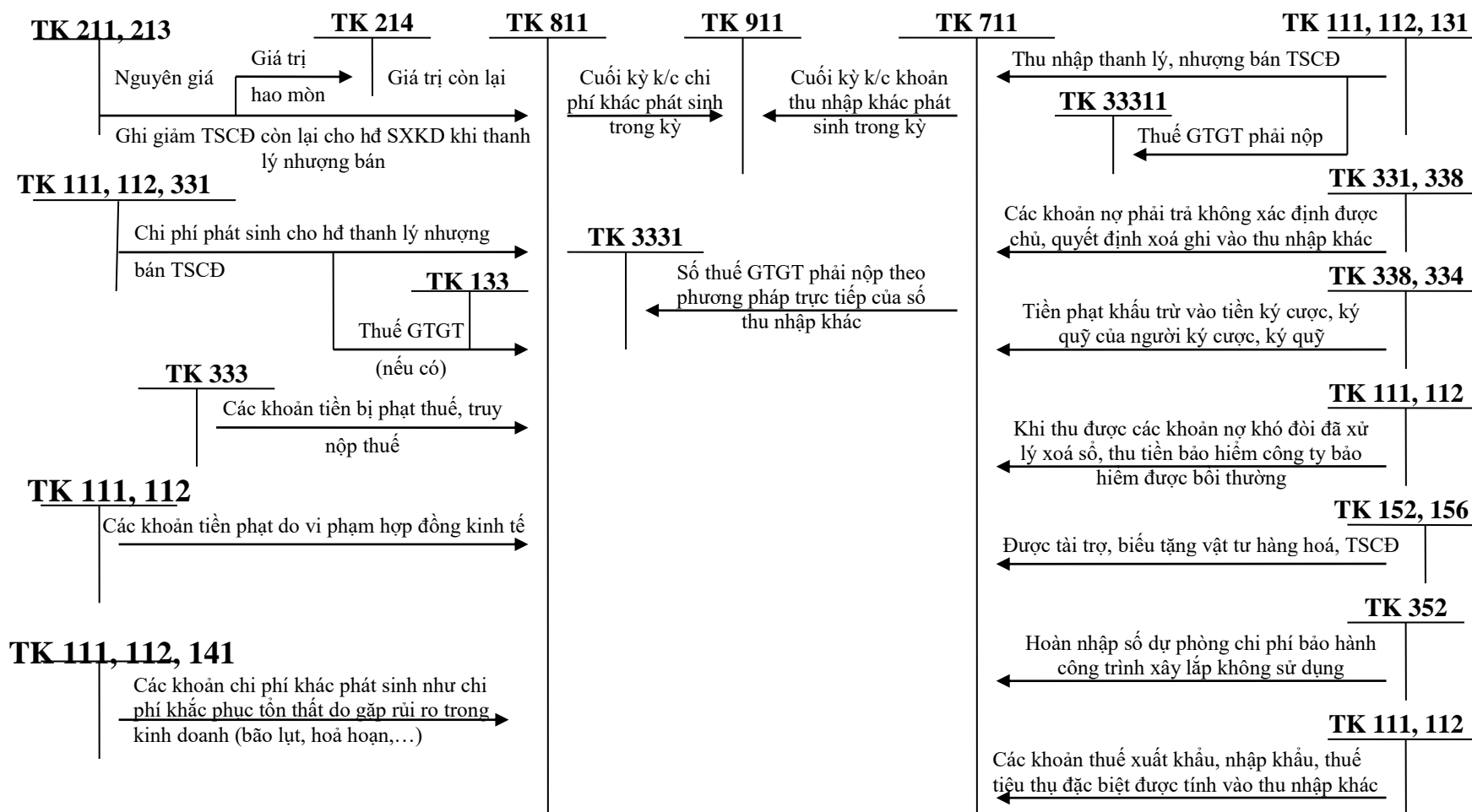
Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 811 – Xác định kết quả kinh doanh.

- *Tài khoản 811 không có số dư.*

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát thông qua sơ đồ 1.6:

Sơ đồ 1.6: Kế toán thu nhập khác và chi phí khác



1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.6.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng

❖ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

✓ Bên Nợ:

- Kết chuyển trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh (gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp).
- Kết chuyển lãi.

✓ Bên Có:

- Kết chuyển doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Kết chuyển lỗ.

- Tài khoản 911 không có số dư.

❖ TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

✓ Bên Nợ:

- + Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm.
- + Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại.

✓ Bên Có:

- + Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đã ghi nhận trong năm.

+ Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện tại.

+ Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm vào **TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh**.

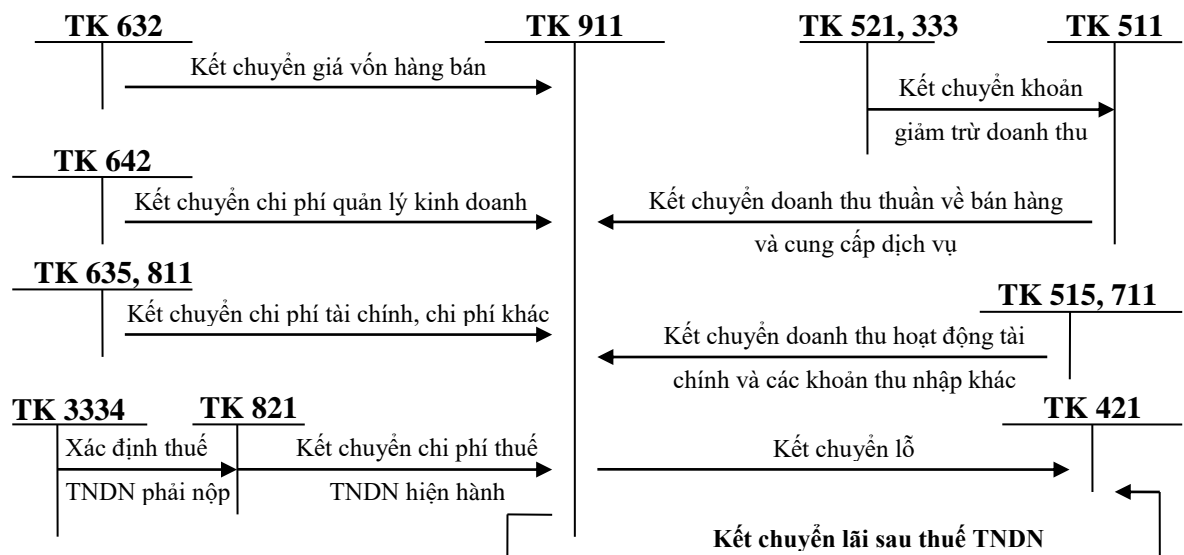
✓ Tài khoản 821 không có số dư.

✓ Tài khoản 911 không có số dư.

1.2.6.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát thông qua sơ đồ 1.7

Sơ đồ 1.7: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.2.7. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.2.7.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

1.2.7.2. Hình thức kế toán Nhật ký sổ cái

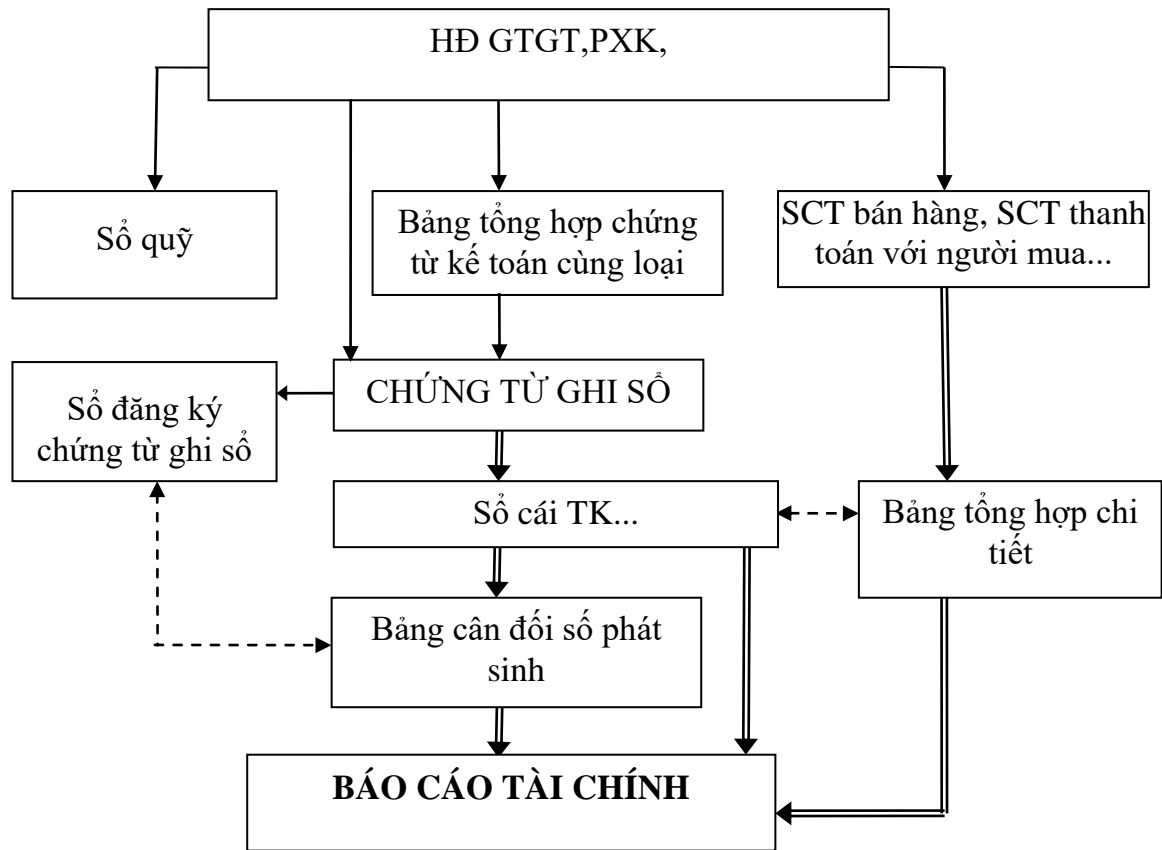
1.2.7.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

- ❖ *Đặc trưng cơ bản:* Căn cứ để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”.
- ❖ *Các loại sổ chủ yếu:*
 - Chứng từ ghi sổ
 - Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
 - Sổ cái

- Các sổ kế toán chi tiết

❖ *Trình tự ghi sổ*: Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ được thể hiện qua sơ đồ 1.10

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————→
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ══════════→
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra - - - - ->

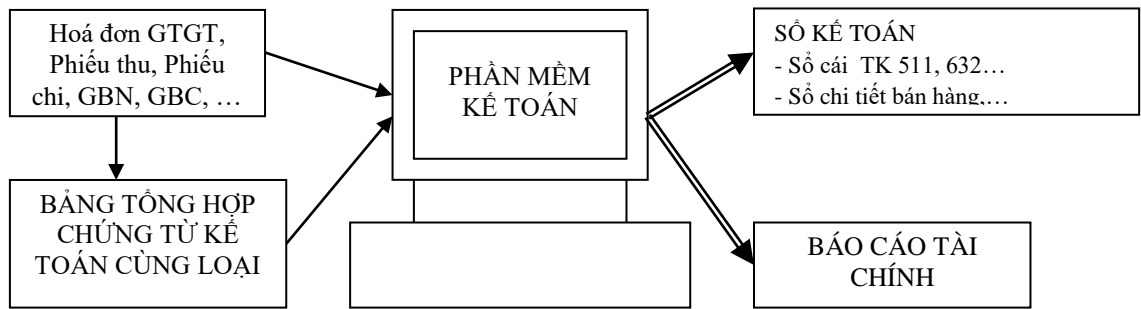
1.2.7.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính

❖ *Đặc trưng cơ bản*: Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán trên.

❖ *Các loại sổ chủ yếu*: Phần mềm kế toán được thiết lập theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó.

❖ *Trình tự ghi sổ*: Hình thức kế toán máy được thể hiện qua sơ đồ 1.12

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy



Ghi chú:

Ghi hàng ngày —————→

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ══════════→

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra - - - - ->

CHƯƠNG II
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ
XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CÔNG
NGHIỆP ẮC QUY HẢI PHÒNG

2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Công nghiệp Ắc quy Hải Phòng

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH Công nghiệp Ắc Quy Hải Phòng được thành lập ngày 14/05/2001. Theo quyết định số 0202000268 - Sở Kế Hoạch Đầu Tư TP. Hải Phòng.

Tên giao dịch : HABACO.,LTD

Tên tiếng anh là : HAI PHONG INDUSTRY BATTERY COMPANY LIMITED

Trụ sở chính : Cụm 9 – Phường Quán Trữ – Quận Kiến An – Thành phố Hải Phòng

Số điện thoại : 031.3678426

Fax: 0313576086

Tài khoản: 14851003622

Vốn điều lệ : 11.560.000.000 đồng

Là Doanh Nghiệp chuyên sản xuất - lắp ráp các loại ắc quy dân dụng và công nghiệp. Ngay từ đầu công ty đã chú trọng đến chất lượng của sản phẩm, xây dựng TCVN 447-1993 được cấp giấy chứng nhận (Đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 50346 ngày 04/11/2003 - bảo hộ thương hiệu 10 năm). Trong suốt thời gian từ khi thành lập công ty đến nay, công ty luôn duy trì nhãn hiệu đã được đăng ký cho sản phẩm ắc quy HABACO.

Với phương châm “*ĐỔI MỚI KHÔNG NGỪNG, CHẤT LƯỢNG LÀ MỤC TIÊU KHẮNG ĐỊNH*”. Công ty luôn đi tắt đón đầu những thành tựu khoa học kỹ thuật mới để tạo ra những sản phẩm mới đạt chất lượng cao, phục vụ tốt nhất người tiêu dùng.

Đặc biệt công ty đã lựa chọn sản xuất loại ắc quy kín khí (còn gọi là ắc quy khô) sử dụng thể hệ vật liệu mới của các nước công nghiệp đang phát triển để khắc phục nhược điểm của dòng ắc quy nước.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh

Công ty TNHH Công nghiệp Ắc quy Hải Phòng tham gia vào hoạt động sản xuất và lắp ráp các loại ắc quy dùng cho xe gắn máy, xe đạp điện...

Các sản phẩm mà công ty đang sản xuất là :

- Ắc quy xe máy
- Ắc quy xe đạp điện
- Bình lưu điện

Đặc tính vượt trội của dòng ắc quy kín khí thương hiệu HABACO là :

- Được nạp điện sẵn trước khi đưa vào sử dụng.
- Ắc quy kín khí toàn phần nên không làm hư hỏng đến các thiết bị khác của xe.
- Không cần bổ sung thêm nước và bảo dưỡng trong suốt thời gian sử dụng.
- Điện áp ổn định rất dễ khi khởi động xe – tuổi thọ cao – chịu được dung chấn tốt.
- Rất thích hợp với các dòng xe máy hiện đại đang phát triển ở Việt Nam và thế giới.

2.1.3. Chức năng, nhiệm vụ của công ty

2.1.3.1. Chức năng của Công ty

- ❖ Thỏa mãn yêu cầu của khách hàng với chất lượng hàng hóa cao nhất , giá cả hợp lí nhất, thời gian giao hàng đúng hẹn và dịch vụ tốt nhất.
- ❖ Chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương chính sách của Đảng, Pháp luật nhà nước, quy định của Bộ, ngành.

2.1.3.2. Nhiệm vụ của Công ty

- ❖ Công ty TNHH Công nghiệp Ắc quy Hải Phòng có nhiệm vụ tổ chức SXKD đúng ngành nghề đăng ký, theo quy chế hoạt động của Công ty trả nợ đúng hạn, hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ theo quy định của Nhà nước.
- ❖ Mở rộng quan hệ thị trường, đồng thời tìm kiếm thị trường mới.

- ❖ Mở rộng liên kết kinh tế với các cơ sở sản xuất kinh doanh trong và ngoài nước.

Các dịch vụ và mặt hàng sản xuất, kinh doanh chính của công ty

- ❖ Sản xuất, lắp ráp các loại ắc quy dân dụng và công nghiệp
- ❖ Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật về công nghệ ắc quy
- ❖ Bán buôn máy móc, thiết bị điện vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và các thiết bị khác dùng trong mạch điện, nguyên liệu vật tư ắc quy.
- ❖ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- ❖ Kho bãi và lưu trữ hàng hóa.

2.1.4. Cơ cấu tổ chức

Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Công nghiệp Ắc quy Hải Phòng theo mô hình trực tuyến chức năng và được thể hiện (Sơ đồ 2.0)

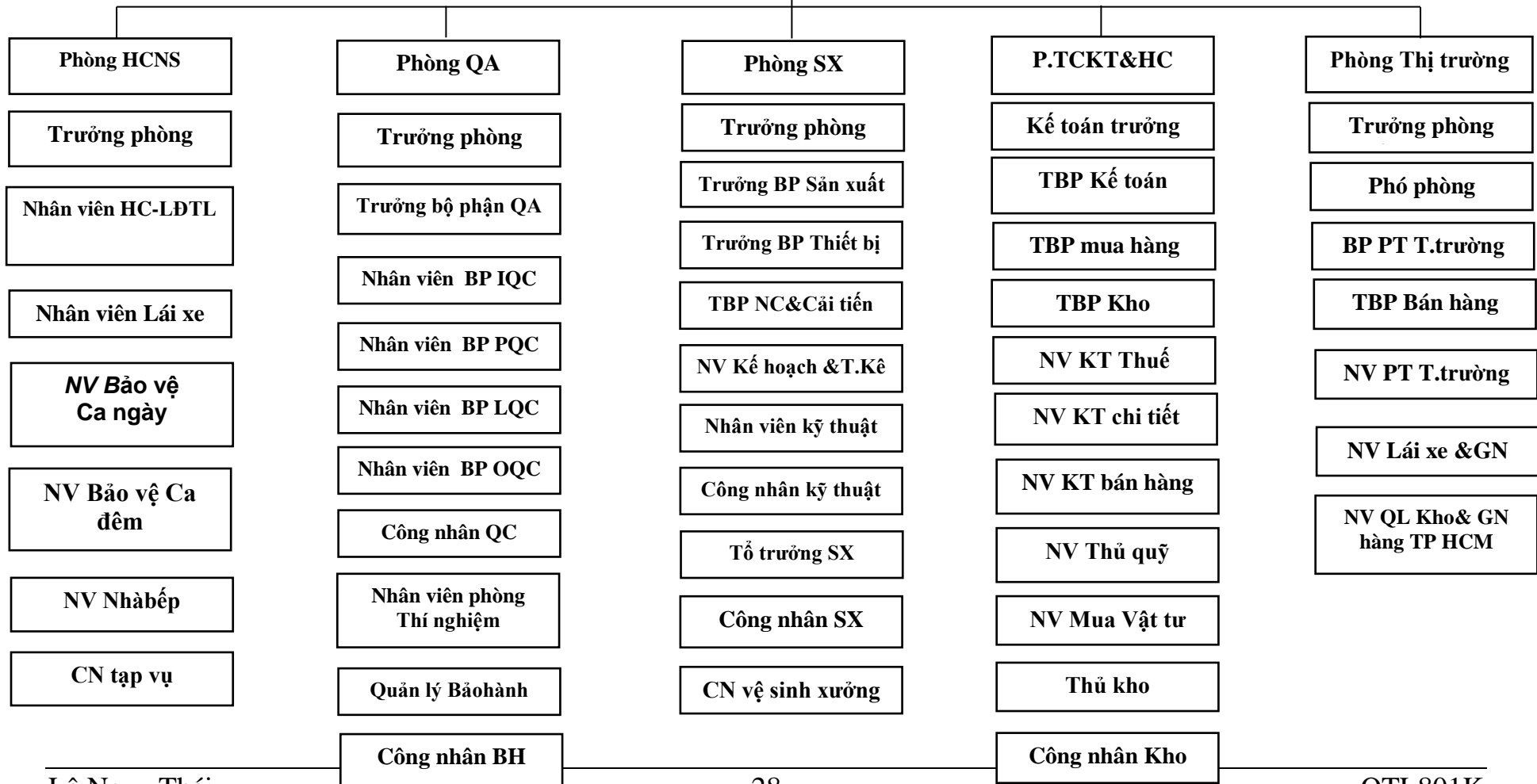
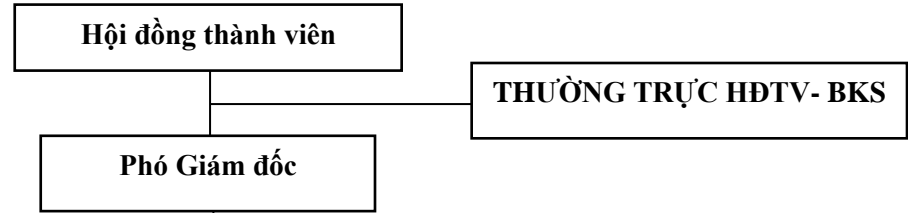
Sơ đồ 2.0: Mô hình tổ chức bộ máy quản lý Công ty TNHH Công nghiệp Ắc quy Hải Phòng



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

Công ty TNHH Công nghiệp Ấc quy Hải Phòng

Số ĐK: SN-CT-2015
Số SD: 01-02/11/2015



Chức năng của các phòng ban:

- ✓ **Hội đồng thành viên** : Họp bàn các vấn đề mang tính chiến lược để phát triển công ty, chính sách lao động và giám sát cách điều, ra các quyết định của giám đốc.
- ✓ **Giám đốc** : Chịu trách nhiệm chung và chỉ đạo các hoạt động sản xuất kinh doanh, theo dõi, thường xuyên báo cáo lên hội đồng thành viên thông qua phó giám đốc, và các phòng ban liên quan của công ty.
- ✓ **Phó giám đốc**: Là người trực tiếp quản lý các phòng ban như: phòng tài chính, phòng kỹ thuật, phòng kế toán tài chính và các phân xưởng. Phó giám đốc có thể thay quyền để ký kết các hợp đồng kinh tế với đối tác và mọi quyết định khác mà giám đốc ủy quyền khi đi vắng.
- ✓ **Phòng hành chính**: trực tiếp quản lý sử dụng nhà cửa, trang thiết bị văn phòng, phương tiện ô tô cùng các vật dụng khác của công ty; mua sắm trang thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, ấn phẩm phục vụ nhu cầu sử dụng của công ty, trực tiếp quản lý chi phí hành chính.
- ✓ **Phòng kinh doanh**: Giúp giám đốc hoạch định chiến lược sản xuất kinh doanh của công ty và chịu trách nhiệm nắm chắc toàn bộ nội dung công việc kỹ thuật sản xuất và kế hoạch cung ứng vật tư, giải quyết thay trực tiếp nhân viên dưới quyền khi vắng mặt.

❖ Các phòng ban trong công ty**✓ Phòng Hành chính nhân sự và ISO**

- Bao gồm trưởng, phó phòng, nhân viên hành chính, nhân viên IT, Tổ trưởng Tổ bảo vệ...
- Có trách nhiệm Tổ chức các hoạt động của công ty theo sự chỉ đạo và theo dõi của phó giám đốc.
- Thực hiện công tác Quản lý HTQLCL ISO:9001 toàn công ty

✓ Phòng kỹ thuật

- Trưởng, phó và các thành viên trong Tổ chịu trách nhiệm thường xuyên theo dõi, giám sát kỹ thuật trong công tác sản xuất sản phẩm và chất lượng thành phẩm sản xuất theo yêu cầu chất lượng của công ty.

✓ Phân xưởng

- Quản đốc, phó quản đốc phân xưởng ở các phân xưởng sản xuất trực tiếp theo dõi, đôn đốc để luôn đảm bảo đúng tiến độ sản xuất theo yêu cầu và theo đơn đặt hàng mà lãnh đạo công ty đã trao trách nhiệm

✓ Phòng kinh doanh

- Đây là phòng có mối liên hệ trực tiếp với giám đốc, phó giám đốc, đại diện chất lượng lao động và tất cả các phòng ban khác.
- Các thành viên trong phòng kinh doanh từ trưởng phó phòng đến bộ phận Marketing, bộ phận bán hàng, nhân viên quản lý kho hàng... trực tiếp chịu trách nhiệm báo cáo giám đốc về công tác hoạt động kinh doanh trong từng tháng, từng quý.

✓ Phòng tài chính – kế toán và hậu cần

Chức năng nhiệm vụ của bộ máy kế toán

- Tài chính doanh nghiệp là một hệ thống các mối quan hệ trong quá trình phân phối các nguồn tài chính của doanh nghiệp, tài chính trong bất cứ cơ quan, Tổ chức hay công ty doanh nghiệp nào cũng cần phải có những nguồn tài chính cần thiết để phục vụ cho mọi hoạt động của mình

Chức năng nhiệm vụ của hậu cần

- Mua hàng.
- Quản lý kho nguyên liệu.

✓ Phòng QA

- Hoạch định và xây dựng tiêu chuẩn sản phẩm.
- Kiểm soát chất lượng các công đoạn trong quá trình tạo sản phẩm.
- Sửa chữa, đánh giá sản phẩm trả lại.
- Giải quyết các khiếu nại của khách hàng về chất lượng sản phẩm.

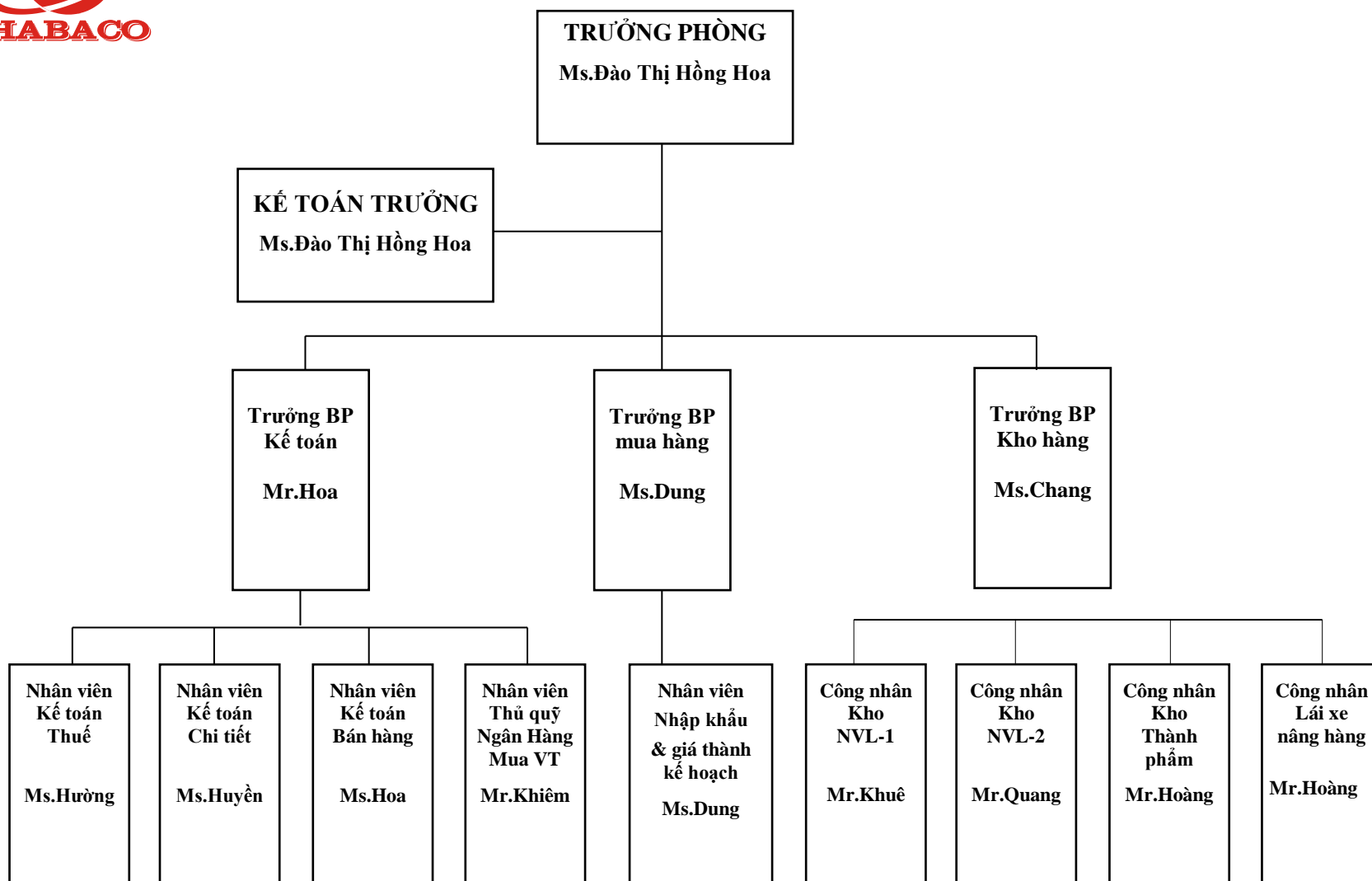
2.1.5. Tổ chức công tác kế toán**2.1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán**

Tổ chức bộ máy kế toán của công ty TNHH Công Nghiệp Ấc Quy Hải Phòng tổ chức theo mô hình kế toán tập trung.

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy kế toán Công ty TNHH Công nghiệp Ấc quy Hải Phòng



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC NHÂN SỰ - 2015 PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & HẬU CẦN



Trong đó:

- *Trưởng phòng KT-TC*

Giúp việc cho giám đốc, bao quát chung toàn bộ tình hình tài chính. Bên cạnh đó trưởng phòng còn có nhiệm vụ thường xuyên kiểm tra việc ghi chép ban đầu, báo cáo quyết toán theo quy định, Tổ chức bảo quản hồ sơ tài liệu theo chế độ lưu trữ.

Ngoài ra trưởng phòng còn có nhiệm vụ thông tin hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty để điều hành bộ máy kế toán, chịu trách nhiệm về nghiệp vụ chuyên môn kế toán tài chính trước ban lãnh đạo của công ty.

+ *Kế toán thuế:*

Có nhiệm vụ theo dõi công nợ của khách hàng, các khoản liên quan đến tiền mặt, tiền gửi, kê khai thuế GTGT đầu vào, thuế GTGT đầu ra mà công ty được hưởng.

+ *Kế toán chi tiết :*

Kế toán vốn bằng tiền, công nợ phải trả nhà cung cấp (TK331) và đối chiếu công nợ khách hàng; các công nợ khác. Kế toán hàng tồn kho NVL, CCDC, TSCĐ, chi phí trả trước, chi phí phải trả, tiền lương. Kết hợp với thủ kho NVKiểm và PXSX để kiểm kê kho NVL, kiểm kê NVL, sản phẩm dở dang tại phân xưởng vào ngày cuối tháng. Kế toán chi phí, giá thành NVL, sản phẩm

+ *Kế toán bán hàng :*

Kế toán bán hàng (TK 511). Theo dõi công nợ khách hàng (TK 1311) toàn công ty

+ *NV thủ quỹ, ngân hàng, mua VT :*

➤ **Thủ quỹ, Ngân hàng:**

Chịu trách nhiệm quản lý quỹ, két của công ty. Thực hiện thu, chi theo phiếu đã duyệt của giám đốc. Cập nhật vào file mềm (excel) theo dõi tổng thu, tổng chi, tồn quỹ hàng tháng. Thường xuyên đối chiếu số dư quỹ với kế toán (hàng ngày). Chịu trách nhiệm trực tiếp giao dịch với các ngân hàng của công ty về Sec, uỷ nhiệm chi;

➤ Mua vật tư phụ theo lệnh

Trực tiếp mua vật tư, trang thiết bị cho khối phân xưởng và khối văn phòng theo phiếu yêu cầu công việc đã được giám đốc phê duyệt hàng ngày. Lập hồ sơ các khách hàng mua chính.

2.1.5.2. Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp

- Chế độ kế toán áp dụng: công ty áp chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006.

- Niên độ kế toán ở công ty là một năm, ngày bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc là ngày 31/12 hàng năm.

- Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng VN.

- Đối với hàng tồn kho: công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá vốn xuất kho được xác định theo phương pháp *Nhập trước xuất trước (FIFO)*, sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

- Công ty thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

- Áp dụng phương pháp đường thẳng trong việc tính khấu hao TSCĐ.

- Hệ thống báo cáo tài chính được công ty TNHH Công Nghiệp Ấc Quy Hải Phòng sử dụng hiện nay bao gồm: 2 báo cáo tài chính theo chế độ quy định bao gồm:

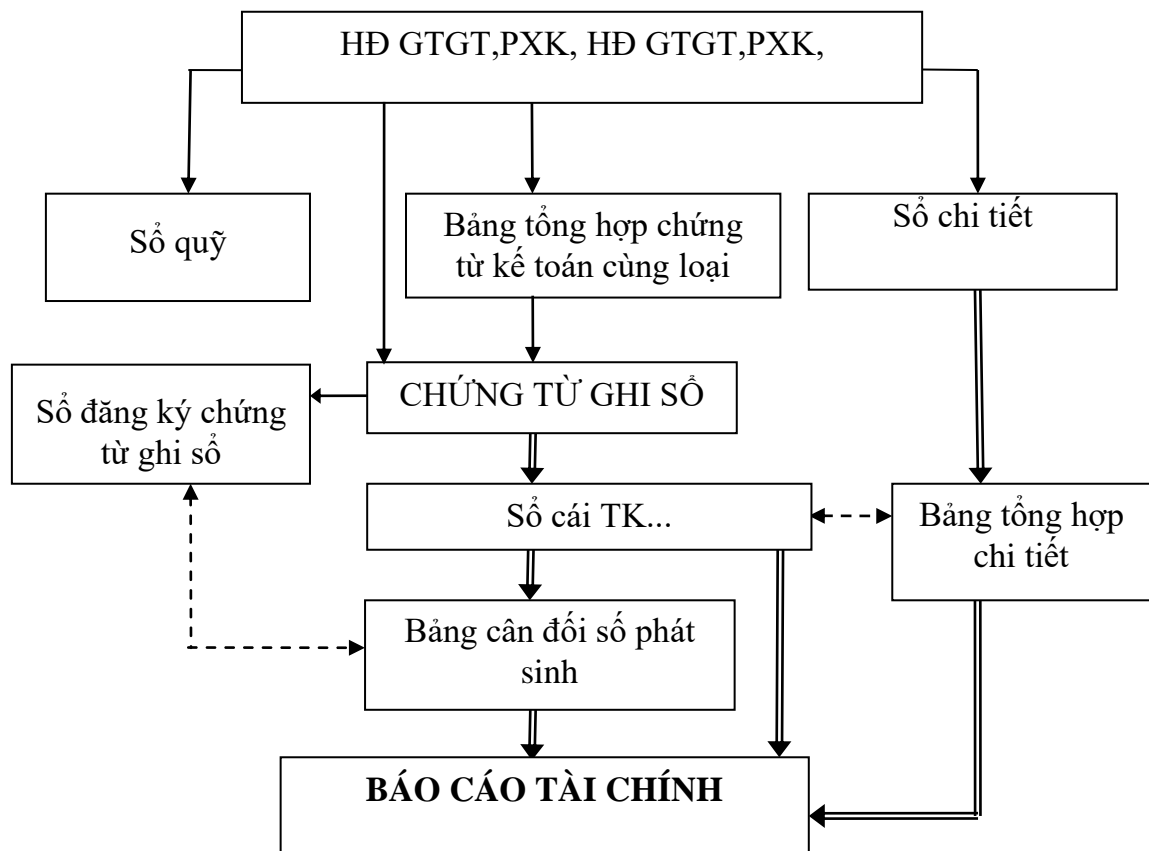
+ Bảng cân đối kế toán. (Mẫu số B01 – DNN)

+ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. (Mẫu số B02 – DNN)

Hình thức kế toán “Chứng từ ghi sổ” bao gồm các loại sổ kế toán cơ bản sau:

- Chứng từ ghi sổ, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, Sổ cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết, Bảng tổng hợp chi tiết.

Sơ đồ 2.2: Trình tự ghi sổ theo hình thức Chứng từ ghi sổ Công ty TNHH Công nghiệp Ấc quy Hải Phòng



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————→
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ══════════→
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra - - - - -→

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Công nghiệp Ấc quy Hải Phòng

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH Công nghiệp Ấc quy Hải Phòng

2.2.1.1. Tài khoản sử dụng

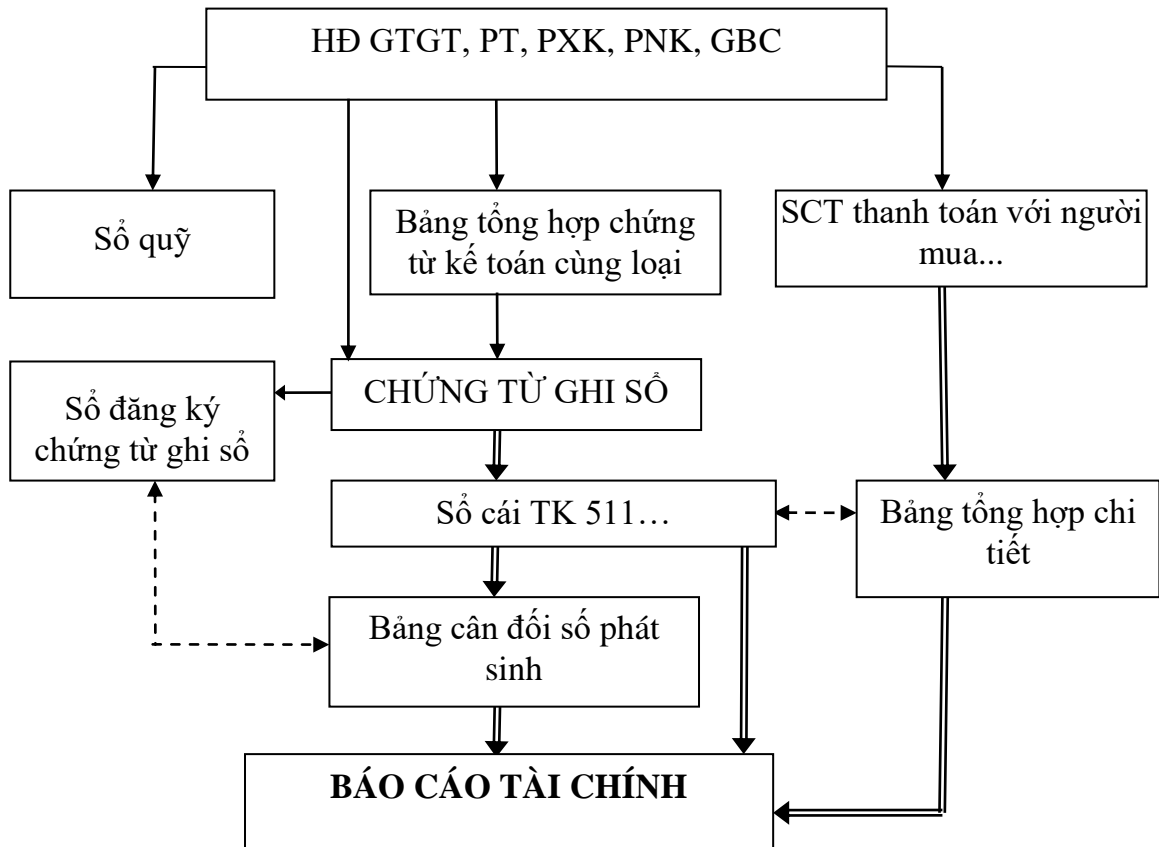
- TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 131 – Phải thu khách hàng
- TK 111 – Tiền mặt
- TK 112 – Tiền gửi ngân hàng
- TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

2.2.1.2. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, Hợp đồng thương mại, Biên bản giao nhận
- Phiếu thu, Ủy nhiệm thu, Giấy báo có...

2.2.1.3. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.3: : Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại Công ty Công nghiệp Ấc quy Hải Phòng



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ →
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

2.2.1.5. Ví dụ minh họa

Ví dụ 2.1: Ngày 15/12/2015 xuất bán AQ xe đạp điện cho Công ty TNHH TM&DV thiết bị Thanh Linh , tổng giá thanh toán là 115.500.000 đồng bao gồm cả thuế GTGT 10%(HD0000828), giá vốn 84.461.000. Thanh toán bằng chuyển khoản

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000828 (Biểu số 2.1), Giấy báo có số 25 (Biểu số 2.3) và các chứng từ khác liên quan kế toán phản ánh vào sổ sách kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 112 : 115.500.000

Có TK 511 : 105.000.000

Có TK 3331 : 10.500.000

Từ bút toán trên kế toán phản ánh vào Bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại (Biểu số 2.4) đồng thời lập Chứng từ ghi sổ (Biểu 2.5) và vào sổ thẻ chi tiết (biểu 2.7 và 2.8). Từ Bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại kế toán phản ánh vào Sổ cái TK 511 (Biểu số 2.6)

Từ Sổ cái các TK được sử dụng và lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 2.2 : Ngày 19/12/2015 xuất bán AQXM 12V-4A cho công ty Vân Long tổng giá thanh toán là 625.000.000 đồng bao gồm cả thuế GTGT 10% (HD0000835), giá vốn hàng bán là 409.844.000. Khách hàng chưa thanh toán

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000828 (Biểu số 2.2) và các chứng từ khác liên quan kế toán phản ánh vào sổ sách kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 131 : 625.000.200

Có TK 511 : 568.182.000

Có TK 3331 : 56.818.200

Từ bút toán trên kế toán phản ánh vào Bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại, đồng thời lập Chứng từ ghi sổ và vào sổ thẻ chi tiết. Từ Bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại kế toán phản ánh vào Sổ cái TK 131.

Từ Sổ cái các TK được sử dụng và lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.


Biểu 2.1 :HD 0000828

HÓA ĐƠN			Mẫu số : 01GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Kí hiệu : AA/15P		
(Liên 3 : Nội bộ)			Số : 0000828		
Ngày 15 tháng 12 năm 2015					
Đơn vị bán hàng : Công ty TNHH Công nghiệp Ác quy Hải Phòng					
Mã số thuế :0200430874					
Địa chỉ : Cụm 9 – Phường Quán Trữ - Quận Kiến An – TP. Hải Phòng					
Số tài khoản : 160314851003622 – EximBank HP					
Đơn vị mua hàng : Công ty TNHH TM&DV thiết bị Thanh Linh					
Họ tên người mua : Tạ Ngọc Linh					
Mã số thuế :0201084497					
Địa chỉ : Số 79/185 – Tôn Đức Thắng – P.An Dương – Q.Lê Chân – TP.Hải Phòng					
Hình thức thanh toán : CK Số tài khoản : 28000796908					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	AQ xe đạp điện 12V-14A	bình	500	210.000	105.000.000
Cộng tiền hàng					105.000.000
Thuế suất GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT			10.500.000
Tổng cộng tiền thanh toán					115.500.000
Số tiền viết bằng chữ : Một trăm mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng					
Người mua hàng (Kí, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

Biểu 2.2 :HD 0000835

HÓA ĐƠN		Mẫu số : 01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Kí hiệu : AA/15P			
(Liên 3 : Nội bộ)		Số : 0000835			
Ngày 19 tháng 12 năm 2015					
Đơn vị bán hàng : Công ty TNHH Công nghiệp Ác quy Hải Phòng					
Mã số thuế : 0200430874					
Địa chỉ : Cụm 9 – Phường Quán Trữ - Quận Kiến An – TP. Hải Phòng					
Số tài khoản : 160314851003622 – EximBank HP					
Đơn vị mua hàng : Công ty TNHH Vân Long					
Họ tên người mua : Nguyễn Ngọc Long					
Mã số thuế :0201076465					
Địa chỉ : An Tràng – X.Trường Sơn – H.An Lão – TP.Hải Phòng					
Hình thức thanh toán : TM/CK			Số tài khoản :		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	AQXM 12V-4A	bình	2000	284.091	568.182.000
	/				
Cộng tiền hàng					568.182.000
Thuế suất GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT			56.818.200
Tổng cộng tiền thanh toán					625.000.200
Số tiền viết bằng chữ : Sáu trăm hai mươi lăm triệu hai trăm đồng					
Người mua hàng (Kí, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

Biểu 2.3 : Giấy báo có của ngân hàng

 EXIMBANK <small>VIETNAM EXPORT IMPORT BANK</small>	
Ngày in/ Printed date : 15/12/2015 Giao dịch viên/Teller : THUYNB Số giao dịch/Transno: 1250	
GIẤY BÁO CÓ /CREDIT SLIP Ngày/date : 15/12/2015	
ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG/BENEFICIARY Tên tài khoản/Customer name : Công ty TNHH CN AQ Hải Phòng Số tài khoản/Account number : 160314851003622	
Tổng số tiền bằng số/Amount 115.500.000 VNĐ	
ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN/PAYMENT Tên tài khoản/Customer name : Công ty TNHH TM&DV thiết bị Thanh Linh Số tài khoản/Account number : 28000796908 Số tiền bằng chữ/Amount in words : <i>Một trăm mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng</i> Nội dung/Content : Công ty TNHH TM&DV thiết bị Thanh Linh thanh toán tiền hàng hóa đơn số 0000828 cho Công ty TNHH CN AQ Hải Phòng	
GIAO DỊCH VIÊN TELLER	KIỂM SOÁT CHECKER

Biểu 2.4 : Bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại**CTY TNHH CN AQ HẢI PHÒNG****Bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại**

Tháng 12 năm 2015

Ghi Có TK 511

Chứng từ gốc		Diễn giải	Tổng số tiền	Ghi nợ các TK...	
Số	NT			112	131
.....
HĐ828	15/12	Bán hàng cho Thanh Linh	105.000.000	105.000.000	
.....
HĐ835	19/12	Bán hàng cho Vân Long	568.182.000		568.182.000
.....
HĐ850	25/12	Bán hàng cho Hải Trường	1.254.450.000	456.000.000	798.450.000
.....
		Cộng	13.052.105.206	4.516.000.000	8.536.105.200

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

*(Kí, ghi rõ họ tên)**(Kí, ghi rõ họ tên)*

Biểu 2.5 : Chứng từ ghi sổ
CTY TNHH CN AQ HẢI PHÒNG

Chứng từ ghi sổ

Số 25/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Trích yếu	TK Nợ	TK Có	Số tiền
Tổng hợp DT BH phát sinh trong tháng 12	112	511	4.516.000.000
	131	511	8.536.105.200
Cộng			13.052.105.206

Kèm theo chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập
(Kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.6 : Sổ cái 511

CTY TNHH
CN AQ HP

SỔ CÁI
Năm 2015
Tài khoản : 511

Dư có đầu kỳ:

Phát sinh nợ: 82.456.941.431

Phát sinh có : 82.456.941.431

Dư có cuối kỳ :

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
.....
25/12	31/12	Tổng hợp DT BH phát sinh trong tháng 12	112		4.516.000.000
			131		8.536.105.200
33/12	31/12	Kết chuyển DTBH	911	82.456.941.431	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập
(Kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, ghi rõ họ tên)

BIỂU 2.7 : Sổ chi tiết TK 131**CTY TNHH CN AQ HẢI PHÒNG****SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**

TK 131- Phải thu của khách hàng
 Đối tượng: Công ty TNHH Vân Long
 Tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				-	
					
19/12	HD0000835	19/12	Doanh thu bán hàng	511	568.182.000		568.182.000	
19/12	HD0000835	19/12	VAT đầu ra	3331	56.818.200		625.000.200	
21/12	GBC30	21/12	Cty Vân Long TT bằng CK	112		625.000.200	-	
					
			Cộng số phát sinh		1.676.934.280	934.450.000		
			Số dư cuối kỳ				<u>742.484.280</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
 (ký, họ và tên)

Kế toán Trưởng
 (ký, họ và tên)

BIỂU 2.8: Sổ chi tiết TK 131**CTY TNHH CN AQ HẢI PHÒNG****SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**

TK 131- Phải thu của khách hàng

Đối tượng: Công ty TNHH CPTM Hải Trường

Tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				<u>340.500.000</u>	
					
20/12	HĐ0000850	20/12	Doanh thu bán hàng	511	798.450.000		948.450.000	
20/12	HĐ0000850	20/12	VAT đầu ra	3331	79.845.000		1.028.295.000	
29/12	GBC45	29/12	Hải Trường TT bằng CK	11217		456.000.000	606.000.000	
					
			Cộng số phát sinh		2.106.975.250	850.475.000		
			Số dư cuối kỳ				<u>256.500.250</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(ký, họ và tên)

Kế toán Trưởng
(ký, họ và tên)

Biểu 2.9: Bảng tổng hợp thanh toán người mua**CTY TNHH CN AQ HẢI PHÒNG****BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**

TK 131- Phải thu của khách hàng

Tháng 12 năm 2015

TT	Khách hàng	SDDK		SPS trong kì		SDCK	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
...
5	Công ty Hải Trường			1.676.934.280	934.450.000	742.484.280	
6	Công ty Vân Long	340.500.000		2.106.975.250	850.475.000	256.500.250	
...
	Cộng	765.980.500		9.363.716.066	7.198.243.612	2.931.452.954	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(ký, họ và tên)

Kế toán Trưởng
(ký, họ và tên)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Công nghiệp Ấc quy Hải Phòng

Tại Công ty TNHH Công nghiệp Ấc quy Hải Phòng, trị giá vốn hàng bán được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước.

2.2.2.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ **Chứng từ kế toán sử dụng**

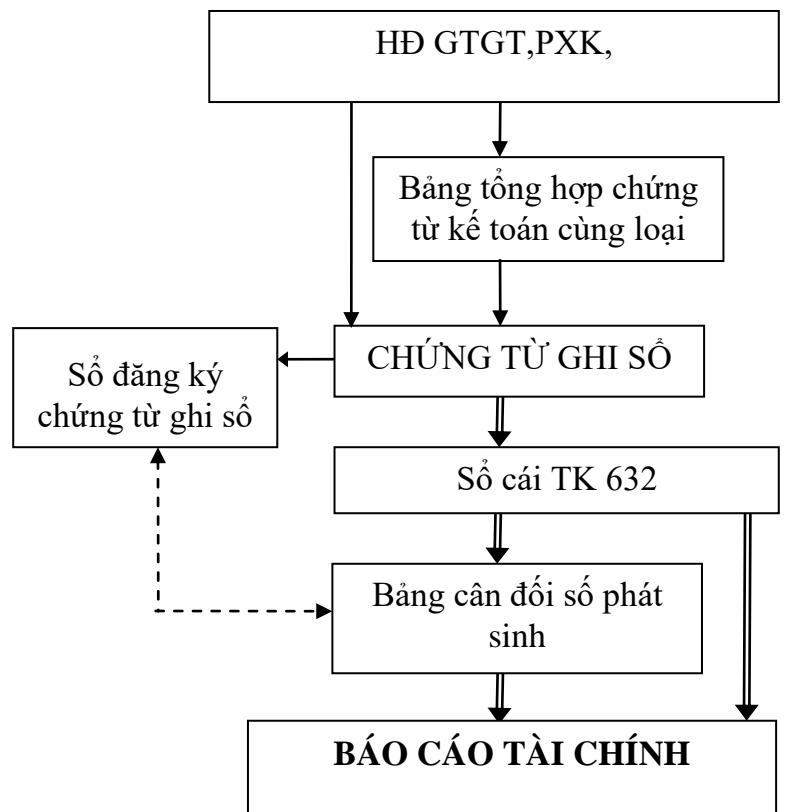
- Phiếu xuất kho, Phiếu kế toán
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan....

❖ **Tài khoản sử dụng**

- TK 632 – Giá vốn hàng bán
- TK 155 – Thành phẩm

2.2.2.2. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty Công nghiệp Ấc quy Hải Phòng



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ==>
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <- - - ->

2.2.2.3 Ví dụ minh họa**Ví dụ 2.3:** (minh họa tiếp giá vốn của ví dụ 2.1)

Tính đơn giá xuất kho của AQ xe đạp điện cho Công ty TNHH TM&DV thiết bị Thanh Linh theo phương pháp nhập trước xuất trước

- Ngày 01/12 : tồn kho 1540 bình, đơn giá: 168.922 /bình
 - Ngày 05/12 : Nhập kho 350 bình, đơn giá 163.938đ/bình.
 - Ngày 15/12: Xuất kho 500 bán cho Công ty TNHH TM&DV thiết bị Thanh Linh với giá xuất 168.922 đ/bình
- =>Trị giá AQ xe đạp điện xuất kho ngày 15/12 = $500 \times 168.922 = 84.461.000$

Ví dụ 2.4: (minh họa tiếp giá vốn của ví dụ 2.2)

Tính đơn giá xuất kho của AQXM 12V-4A cho công ty Vân Long theo phương pháp nhập trước xuất trước

- Ngày 01/12 : tồn kho 2000 bình, đơn giá: 184.922đ/bình
- Ngày 18/12 : Nhập kho 2200 bình, đơn giá 186.500đ/bình.
- Ngày 19/12: Xuất kho 2000 bán cho công ty Vân Long với giá xuất 184.922đ/bình

=> Trị giá AQ xe đạp điện xuất kho ngày 15/12 = $184.922 \times 2000 = 409.844.000$

Để phản ánh giá vốn của 2 nghiệp vụ này kế toán lập phiếu xuất kho số 0000332 (biểu số 2.10) ngày 15/12 và 0000345 (biểu 2.11) ngày 19/12

Căn cứ vào phiếu xuất kho số 0000332 (biểu số 2.10) và P XK 0000345 (biểu 2.11) kế toán Bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại (biểu số 2.12), sau đó và oChứng từ ghi sổ (biểu số 2.13)

Từ Bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại kế toán phản ánh vào Sổ cái TK 632 (Biểu số 2.14),

Từ Sổ cái các TK được sử dụng và lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Biểu 2.10 : Phiếu xuất kho 0000332

PHIẾU XUẤT KHO				Mẫu số 02-VT	
Ngày 15 tháng 12 năm 2015				Số : 0000332	
Người nhận hàng : Trần Thị Chang – P. Kinh doanh AQ HP					
Lí do : Xuất bán					
Xuất tại kho : Công ty TNHH Công nghiệp ắc quy Hải Phòng					
TT	Tên hàng hóa	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	AQ xe đạp điện 2V-14A	Bình	500	168.922	84.461.000
	Cộng				84.461.000

Người lập
(Kí, ghi rõ họ tên)

Ngày 15 tháng 12 năm 2015
Kế toán trưởng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.11 : Phiếu xuất kho 0000345

PHIẾU XUẤT KHO				Mẫu số 02-VT	
Ngày 19 tháng 12 năm 2015				Số : 0000345	
Người nhận hàng : Lê Văn Thanh – P. Kinh doanh AQ HP					
Lí do : Xuất bán					
Xuất tại kho : Công ty TNHH Công nghiệp ắc quy Hải Phòng					
TT	Tên hàng hóa	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	AQXM 12V-4A	bình	2000	184.922	409.844.000
	Cộng				409.844.000

Người lập
(Kí, ghi rõ họ tên)

Ngày 19 tháng 12 năm 2015
Kế toán trưởng
(Kí, ghi rõ họ tên)

**Biểu 2.12 : Bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại
CTY TNHH CN AQ HP****Bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại**

Tháng 12 năm 2015

Ghi Nợ TK 632

Chứng từ gốc		Diễn giải	Tổng số tiền	Ghi có TK 155
SH	NT			
.....		
HD0000828	15/12	Bán AQ xe đạp điện	84.461.000	84.461.000
.....		
HD0000835	19/12	Bán AQXM 12V-4A	409.844.000	409.844.000
.....		
HD0000850	20/12	Bán AQXM 12V-4A	675.450.000	675.450.000
.....		
		Tổng cộng	11.809.986.155	11.809.986.155

Người lập
(Kí, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Kế toán trưởng
(Kí, ghi rõ họ tên)

**Biểu 2.13 : Chứng từ ghi sổ
CTY TNHH CN AQ HẢI PHÒNG**

Chứng từ ghi sổ

Số 26/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Trích yếu	TK Nợ	TK Có	Số tiền
Tổng hợp GVHB PS trong tháng 12	632	155	11.809.986.155
Cộng			11.809.986.155

Kèm theo chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập
(Kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.14 : Sổ cái 632

CTY TNHH
CN AQ HP

SỔ CÁI
Năm 2015
Tài khoản : 632

Dư có đầu kỳ:
Phát sinh nợ: 75.086.474.832
Phát sinh có : 75.086.474.832
Dư có cuối kỳ :

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
...
26/12	31/12	Tổng hợp GVHB phát sinh trong tháng 12	155	11.809.986.155	
34/12	31/12	Kết chuyển GVHB	911		75.086.474.832

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập
(Kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, ghi rõ họ tên)

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng

Tại Công ty TNHH Công nghiệp Ấc quy Hải Phòng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng của doanh nghiệp bao gồm: chi phí nhân viên bán hàng và quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền phụ cấp...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn, khấu hao TSCĐ dùng cho bán hàng và quản lý, dịch vụ mua ngoài

2.2.3.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

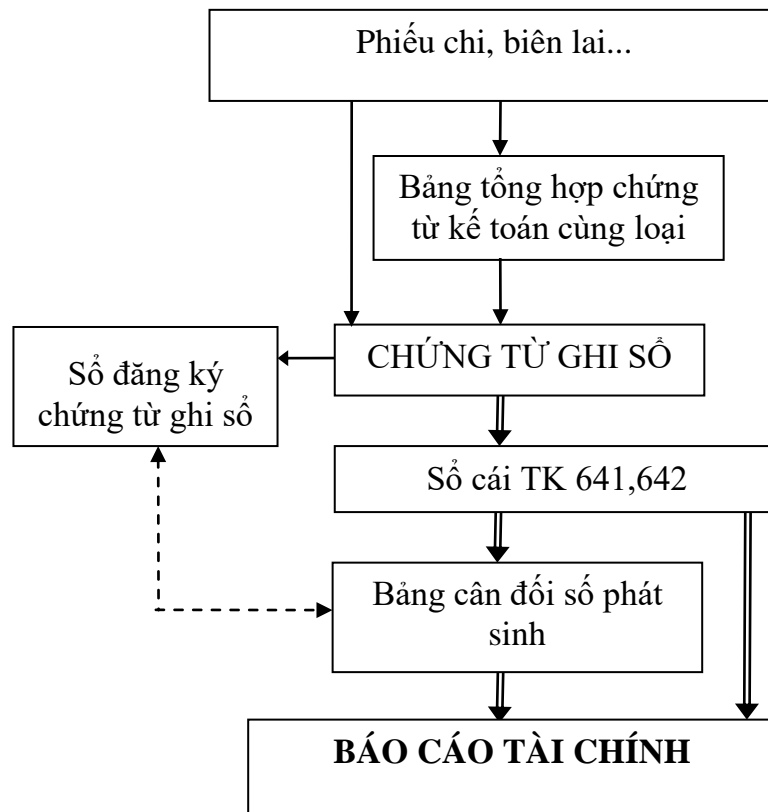
- Phiếu Chi, Giấy báo nợ
- Hóa đơn GTGT
- Bảng phân bổ NVL, CCDC
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 111 – Tiền mặt
- TK 112 – Tiền gửi ngân hàng
- TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp
- TK 641- Chi phí bán hàng

2.2.3.2. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng tại Công ty TNHH Công nghiệp Ấc quy Hải Phòng



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————→
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ══════════→
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ←-----

2.2.3.3. Ví dụ minh họa

Ví dụ 2.5: Ngày 08/12/2015 thanh toán tiền điện thoại tháng 11, tổng số tiền thanh toán là 1.138.340 (thuế GTGT 10%)

Kế toán định khoản
 Nợ TK 642: 1.062.127
 Nợ TK 133: 106.213
 Có TK 111: 1.168.340

Để phản ánh chi phí quản lý doanh nghiệp của nghiệp vụ này từ HĐ GTGT 2977018(Biểu 2.15) kế toán lập phiếu chi số 0000251 (biểu số 2.16) Căn cứ vào phiếu chi số 0000251 (biểu số 2.16) vào Bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại (biểu số 2.17) và Chứng từ ghi sổ (biểu 2.18). Từ Chứng từ ghi sổ (biểu 2.18) kế toán phản ánh vào Sổ cái TK 642 (Biểu số 2.19), Từ Sổ cái các TK được sử dụng và lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 2.6: Ngày 20/12/2015 hỗ trợ 50% tiền vận chuyển lô hàng 2.500 bình AQXM 4A (HĐ GTGT 1254042) cho Công ty TNHH Đức Tài , tổng số tiền thanh toán là 5.500.000

Kế toán định khoản

Nợ TK 641: 5.000.000

Nợ TK 1331: 500.000

Có TK 111: 5.500.000


Để phản ánh chi phí bán hàng của nghiệp vụ này kế toán lập phiếu chi số 0000280 (biểu số 2.20)

Căn cứ vào phiếu chi số 0000280 (biểu số 2.20) vào Bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại (biểu số 2.21) và Chứng từ ghi sổ (biểu 2.22)

Từ Chứng từ ghi sổ (biểu 2.22) kế toán phản ánh vào Sổ cái TK 641 (Biểu số 2.23),

Từ Sổ cái các TK được sử dụng và lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Biểu 2.15: HĐ GTGT 2977018

	<p align="center">HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT) TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT) Liên 2: Giao cho người mua (Customer copy)</p>	Mẫu số: 01GTKT2/001 VT01 Ký hiệu (Serial No): AA/15P Số (No): 2977018 16092612112014
---	--	---

Mã số thuế: 0200287977-022

Viễn thông(Telecommunication): Hải Phòng – TT Dịch vụ Khách hàng

Địa chỉ: Số 4 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng

Tên khách hàng (Customer's name): **Công ty TNHH Công nghiệp Ác quy Hải Phòng**

Địa chỉ (Address): Cụm 9 – P. Quán Trữ - Q.Kiến An – TP. Hải Phòng

Số điện thoại (Tel): 031.3678426 Mã số (code): 031.3678426

Hình thức thanh toán (Kind of Pay ment): TM/CK MST: 0200430874

STT (NO)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	ĐVT (UNIT)	SỐ LƯỢNG (QUANTITY)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VND
1	2	3	4	5	6
	Kỳ cước tháng: a. Cước dịch vụ viễn thông b. Cước dịch vụ viễn thông không thuế c. Chiết khấu + Đa dịch vụ d. Khuyến mại e. Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ				1.062.127 0 0 0 0
(a+b+c+d) Cộng tiền dịch vụ (Total) (1):					1.062.127
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%\times(1) = Tiền thuế GTGT (VAT amount) (2):					106.213
(1+2+e) Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (1+2):					1.168.340

Số tiền viết bằng chữ (In words): Một triệu một trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm bốn mươi đồng.

Người nộp tiền ký
(Signature of payer)

Ngày 08 tháng 12 năm 2015
 Nhân viên giao dịch ký
(Signature of dealing staff)

Biểu 2.16 : Phiếu chi

CTY TNHH AQ HẢI PHÒNG

Mẫu số 02-TT*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng bộ Tài chính)***PHIẾU CHI** Số 0000251**Ngày : 08/12/2015****Nợ 642Có 111**

Họ tên người nhận : Lê Thị Hải

Địa chỉ : VNPT Kiến An

Nội dung : Thanh toán tiền điện thoại tháng 11/2015

Số tiền : 1.168.340Bằng chữ : *Một triệu một trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm bốn
mươi đồng./.*

Kèm theo : Chứng từ gốc : 01

Thủ trưởng đơn vị*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Người lập phiếu***(Ký, họ tên)*

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ)

Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).....

Số tiền quy đổi :VNĐ.....

Người nhận tiền*(Ký, họ tên)***Thủ quỹ***(Ký, họ tên)*

Biểu 2.17: Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại
CTY TNHH CN AQ HP

Bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại
Tháng 12 năm 2015
Ghi Nợ TK 642

CT		Diễn giải	Tổng số tiền	Ghi Có các tài khoản.....					
SH	NT			111	112	214	242	334	338
.....				
PC251	08/12	Chi phí tiền điện thoại T11.15	1.168.340	1.168.340					
.....			
UNC25	17/12	Mua dàn máy tính phòng KT	38.450.000		38.450.000				
.....			
PKT29	30/12	Chi phí khấu hao TSCĐ	46.714.858			46.714.858			
PKT30	30/12	Phân bổ CP CCDC	55.589.871				55.589.871		
PKT31	31/12	Chi phí tiền lương bp QL	82.070.192					82.070.192	
PKT32	31/12	Trích các khoản theo lương	28.314.216						28.314.216
		Cộng	403.339.272	69.387.147	121.262.988	46.714.858	55.589.871	82.070.192	28.314.216

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập
(Kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.18 : Chứng từ ghi sổ
Cty TNHH CN AQ Hải Phòng

Chứng từ ghi sổ

Số 27/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Trích yếu	TK Nợ	TK Có	Số tiền
Tổng hợp CP QLDN phát sinh trong tháng 12	642	111	69.387.147
	642	112	81.262.988
	642	214	86.714.858
	642	242	55.589.871
	642	334	82.070.192
	642	338	28.314.216
Cộng			403.339.272

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập
 (Kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Kí, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.19 : Sổ cái TK 642

Cty TNHH CN AQ Hải Phòng

SỔ CÁI
 Từ 01/01/2015 đến
 31/12/2015
 Tài khoản : 642

Dư nợ đầu kỳ:

Phát sinh nợ: 3.746.889.652

Phát sinh có: 3.746.889.652

Dư nợ cuối kỳ:

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
.....
27/12	31/12	Tổng hợp CP QLDN phát sinh trong tháng 12	111	69.387.147	
			112	81.262.988	
			214	86.714.858	
			242	55.589.871	
			334	82.070.192	
			338	28.314.216	
33/12	31/12	K/C CPQLDN			3.746.889.652

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập
 (Kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Kí, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.20: Phiếu chi

CTY TNHH AQ HẢI PHÒNG

Mẫu số 02-TT*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng bộ Tài chính)***PHIẾU CHI** Số 0000280**Ngày : 20/12/2015****Nợ 641 Có 1111**

Họ tên người nhận : Nguyễn Thị Trang

Địa chỉ :

Nội dung : Hỗ trợ thanh toán 50% lô hàng 2.500 bình AQXM cho
công ty TNHH Đức Tài**Số tiền : 5.500.000**Bằng chữ : *Năm triệu năm trăm nghìn đồng./.*

Kèm theo : Chứng từ gốc : 01

Thủ trưởng đơn vị*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Người lập phiếu***(Ký, họ tên)*

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ)

Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).....

Số tiền quy đổi :VNĐ.....

Người nhận tiền*(Ký, họ tên)***Thủ quỹ***(Ký, họ tên)*

Biểu 2.21: Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại
CTY TNHH CN AQ HP

Bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại
Tháng 12 năm 2015
Ghi Nợ TK 641

CT		Diễn giải	Tổng số tiền	Ghi Có các tài khoản.....				
SH	NT			111	112	214	334	338
.....			
PC251	10/12	Chi phí tiếp khách phục vụ bán hàng ở Quảng Ninh	12.000.000	12.000.000				
PC260	15/12	Thanh toán tiền cước VC theo HĐ 1554030	24.440.000		24.440.000			
.....		
PC280	20/12	Hỗ trợ CPVC 50% HĐ 1554042	5.500.000	5.500.000				
.....		
PKT29	30/12	Chi phí khấu hao TSCĐ T12.15	46.714.858			40.544.776		
PKT31	31/12	Chi phí tiền lương bp BH T12.15	46.743.269				46.743.269	
PKT32	31/12	Trích các khoản theo lương	16.126.428					16.126.428
		Cộng	314.979.391	86.110.418	125.454.500	40.544.776	46.743.269	16.126.428

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập
(Kí, ghi rõ họ tên)

Kê toán trưởng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.22 : Chứng từ ghi sổ
Cty TNHH CN AQ Hải Phòng

Chứng từ ghi sổ

Số 28/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Trích yếu	TK Nợ	TK Có	Số tiền
Tổng hợp CP BH phát sinh trong tháng 12	641	111	86.110.418
	641	112	125.454.500
	641	214	40.544.776
	641	334	46.743.269
	641	338	16.126.428
Cộng			314.979.391

Kèm theo chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu 2.23 : Sổ cái TK 641

Cty TNHH CN AQ Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2015

Tài khoản : 641

Dư nợ đầu kỳ:

Phát sinh nợ: 2.986.924.736

Phát sinh có: 2.986.924.736

Dư nợ cuối kỳ:

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
.....
28/12	31/12	Tổng hợp CP BH phát sinh trong tháng 12	111		86.110.418
			112		125.454.500
			214		40.544.776
			334		46.743.269
			338		16.126.428
34/12	31/12	K/C CPBH		2.986.924.736	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

2.2.4. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính tại Công ty TNHH Công nghiệp Ác quy Hải Phòng

2.2.4.1. Nội dung của doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty TNHH Công nghiệp Ác quy Hải Phòng

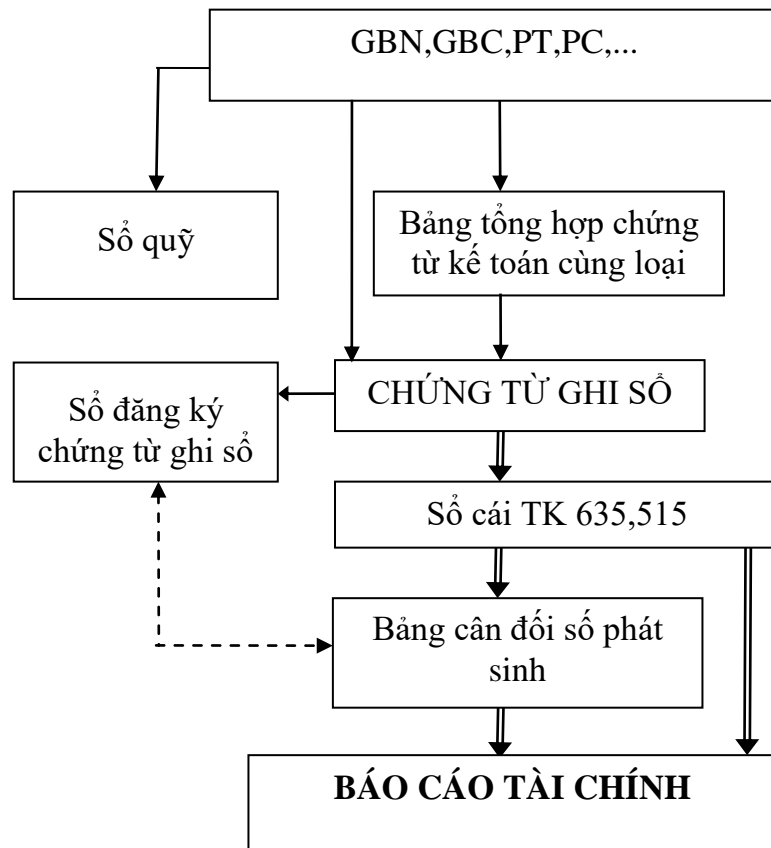
Hoạt động của Công ty chủ yếu chú trọng vào công việc cung cấp hàng hóa cho các công trình nên Công ty không tham gia vào các hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn liên doanh... Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty chủ yếu phát sinh do lãi nhận được từ các khoản tiền gửi Ngân hàng, chi phí tài chính phát sinh do phải trả tiền lãi cho các khoản nợ vay.

2.2.4.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

- ❖ Chứng từ kế toán sử dụng
 - Giấy báo có, giấy báo nợ
 - Phiếu thu, phiếu chi
 - Bản sao kê chi tiết tài khoản của ngân hàng
 - Các chứng từ khác có liên quan
- ❖ Tài khoản sử dụng
 - TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
 - TK 635 – Chi phí tài chính

2.2.4.3. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.6: Trình tự luân chuyển chứng từ của Công ty TNHH Công nghiệp Ác quy Hải Phòng



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————→
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ══════════→
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ←-----→

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ như Giấy báo nợ, Giấy báo có, phiếu chi, phiếu thu, Bảng kê tính lãi vay, chi phí lãi vay... kế toán tiến hành ghi vào Bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại. Sau đó căn cứ vào số liệu trên Bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại kế toán vào Chứng từ ghi sổ và Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Từ đó vào Sổ cái TK 515, TK 635.
- Cuối quý, cộng số phát sinh trên Sổ cái và lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

2.2.4.4. Ví dụ minh họa

Ví dụ 2.7: Ngày 09/12/2015 phát sinh nghiệp vụ: Ngân hàng MB thu lãi vay tháng 12 năm 2015 số tiền là : 9.047.778

Căn cứ vào giấy báo nợ (Biểu 2.24) và các chứng từ kế toán khác có liên quan kế toán định khoản nghiệp vụ:

Nợ TK 635 : 13.047.778

Có TK 112: 13.047.778

Từ bút toán trên kế toán phản ánh vào bảng chứng từ gốc cùng loại (Biểu số 2.25) sau đó từ bảng chứng từ gốc cùng loại viết Chứng từ ghi sổ (biểu 2.26), sau đó kế toán phản ánh vào sổ cái TK 635 (Biểu số 2.27). Cuối kỳ, từ sổ cái các tài khoản liên quan kế toán lập bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính.

Ví dụ 2.8: Ngày 13/12/2015 ngân hàng Eximbank thông báo số tiền lãi nhập vốn tháng 12 năm 2015 số tiền là 95.333 đồng.

Căn cứ vào giấy báo có (Biểu số 2.28) và các chứng từ có liên quan khác kế toán định khoản nghiệp vụ:

Nợ TK 112 : 95.333

Có TK 515: 95.333

Từ bút toán trên kế toán phản ánh vào bảng chứng từ gốc cùng loại (Biểu số 2.29) sau đó từ bảng chứng từ gốc cùng loại viết Chứng từ ghi sổ (biểu 2.30), sau đó kế toán phản ánh vào sổ cái TK 515 (Biểu số 2.31)

Cuối kỳ, từ sổ cái các tài khoản liên quan kế toán lập bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính.

Biểu số 2.24: Giấy báo nợ

Ngày in/ Printed date : 09/12/2015

Giao dịch viên/Teller : SOMAKE

Số giao dịch/Transno:MB240

GIẤY BÁO NỢ /DEBIT SLIP

Ngày/date : 09/12/2015

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN/PAYMENT

Tên tài khoản/Customer name : Công ty TNHH CN AQ Hải Phòng

Số tài khoản/Account number : 0021003434389

Tổng số tiền bằng số/Amount 13.047.778 VND
--

ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG/ BENEFICIARY

Tên tài khoản/Customer name : Ngân hàng Quân đội MB bank – Chi nhánh Hải Phòng

Số tài khoản/Account number : 0021000165744

Số tiền bằng chữ/Amount in words : Mười ba triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi tám đồng./.

Nội dung/Content : Công ty TNHH CN AQ Hải Phòng thanh toán tiền lãi vay tháng 12

GIAO DỊCH VIÊN
TELLER**KIỂM SOÁT**
CHECKER

Biểu số 2.25 : Bảng chứng từ gốc cùng loại
 Công ty TNHH CN ÁC QUY HP

Bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại
 Tháng 12 năm 2015

Ghi Nợ TK 635

Chứng từ gốc		Diễn giải	Tổng số tiền	Ghi nợ các tài khoản	
Số	Ngày			11212	11216
GBC240	13/12	Trả lãi tiền vay MB	13.047.778	13.047.778	
GBC190	15/12	Trả lãi tiền vay Đông Á	30.757.102		30.757.102
		Cộng	43.804.880	13.047.778	30.757.102

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập
(Kí, ghi rõ họ tên)

Kê toán trưởng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.26 : Chứng từ ghi sổ
 Cty TNHH CN AQ Hải Phòng

Chứng từ ghi sổ

Số 29/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Trích yếu	TK Nợ	TK Có	Số tiền
Tổng hợp trả lãi tiền vay	635	112	43.804.880
Cộng			43.804.880

Kèm theo chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập
(Kí, ghi rõ họ tên)

Kê toán trưởng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.27: Sổ cái TK 635

**CTY TNHH
CN AQ HP**

SỔ CÁI
Năm 2015
Tài khoản : 635

Dư có đầu kỳ:
Phát sinh nợ: 549.658.554
Phát sinh có : 549.658.554
Dư có cuối kỳ :


Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TKĐ Ư	Số tiền	
SH	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
29/12	31/12	Tổng hợp trả lãi tiền vay	112	43.804.880	
34/12	31/12	K/C CPTC	911		549.658.554

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập
(Kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.28: Giấy báo có

 VIETNAM EXPORT IMPORT BANK		
Ngày in/ Printed date : 13/12/2015		
Giao dịch viên/Teller : THUYNB		
Số giao dịch/Transno: EX1245		
GIẤY BÁO CÓ /CREDIT SLIP		
Ngày/date : 13/12/2015		
ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG/BENEFICIARY		
Tên tài khoản/Customer name : Công ty TNHH CN AQ Hải Phòng		
Số tài khoản/Account number : 160314851003622		
<table border="1"><tr><td>Tổng số tiền bằng số/Amount 95.333 VNĐ</td></tr></table>		Tổng số tiền bằng số/Amount 95.333 VNĐ
Tổng số tiền bằng số/Amount 95.333 VNĐ		
ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN/PAYMENT		
Tên tài khoản/Customer name : Ngân hàng Eximbank – chi nhánh Hải Phòng		
Số tài khoản/Account number :		
Số tiền bằng chữ/Amount in words : <i>Chín mươi năm nghìn ba trăm ba mươi ba đồng</i>		
Nội dung/Content : Nhập lãi tiền gửi vào TK gốc -160314851003622		
GIAO DỊCH VIÊN TELLER	KIỂM SOÁT CHECKER	

Biểu số 2.29: Bảng chứng từ gốc cùng loại
 Công ty TNHH CN ÁC QUY HP

Bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại
 Tháng 12 năm 2015

Ghi Có TK 515

Chứng từ gốc		Diễn giải	Tổng số tiền	Ghi nợ các tài khoản		
Số	Ngày			11213	11215	11217
GBC1245	13/12	Lãi tiền gửi EximB	95.333			95.333
GBC95	13/12	Lãi tiền gửi AgriB	606.842	606.842		
GBC275	15/12	Lãi tiền gửi ACB	425.250		425.250	
		C ộng	1.127.425	606.842	425.250	95.333

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập
 (Kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Kí, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.30 : Chứng từ ghi sổ
 Cty TNHH CN AQ Hải Phòng

Chứng từ ghi sổ

Số 30/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Trích yếu	TK Nợ	TK Có	Tiền nợ
Tổng hợp nhập lãi tiền gửi NH	112	515	1.127.425
C ộng			1.127.425

Kèm theo chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập
 (Kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Kí, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.31: Sổ cái TK 515**CTY TNHH****SỔ CÁI**

Dư có đầu kỳ:

CN AQ HP

Năm 2015

Phát sinh nợ: 12.006.343

Tài khoản : 515

Phát sinh có : 12.006.343

Dư có cuối kỳ :

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TKĐ U	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
.....
30/12	31/12	Tổng hợp nhập lãi tiền gửi NH	112		1.127.425
33/12	31/12	K/C DTHDTC	911	12.006.343	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

*(Kí, ghi rõ họ tên)**(Kí, ghi rõ họ tên)***2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác**

Tại công ty TNHH Công nghiệp Ấc quy Hải Phòng trong năm 2015 không phát sinh các khoản thu nhập khác và chi phí khác.

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

- Nội dung kế toán xác định kết quả kinh doanh

Cuối kỳ, kế toán thực hiện khai báo các bút toán kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, giá vốn, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, thu nhập khác, chi phí khác sang Tài khoản 911. Đồng thời, kế toán tạo bút toán kết chuyển lỗ hoặc lãi.

Cuối tháng, kế toán tổng hợp thực hiện các bút toán kết chuyển các tài khoản liên quan trên phiếu kế toán. Căn cứ vào các phiếu kế toán để lập sổ chi tiết xác định kết quả hoạt động kinh doanh của công ty

- Chứng từ sử dụng
 - Phiếu kế toán
 - Các chứng từ khác có liên quan
- Tài khoản sử dụng
 - TK 911- Xác định kết quả kinh doanh
 - TK 421- Lợi nhuận chưa phân phối

Ngày 31/12/2015 kế toán xác định kết quả kinh doanh năm 2015

Bút toán kế chuyển được thực hiện lần lượt qua các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu. Phiếu kế toán kết chuyển chi phí, giá vốn, từ phiếu kế toán kế toán làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ, sổ cái TK 911.

➤ Cách xác định kết quả kinh doanh

Mô tả các chỉ tiêu và cách tính:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 82.456.941.431
- Doanh thu HĐTC: 12.006.343
- Giá vốn hàng bán: 75.086.474.832
- Chi phí tài chính: 549.658.554
- Chi phí bán hàng: 2.986.924.735
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: 3.746.889.652

$$\begin{aligned}
 \text{LN từ BH} \\
 \text{và CCDV} &= 82.456.941.431 - 75.086.474.832 - 2.986.924.735 - 3.746.889.652 \\
 &= 636.652.211
 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned}
 \text{Lợi nhuận} \\
 \text{từ HĐ tài} &= 12.006.343 - 549.658.554 = (537.652.211) \\
 \text{chính}
 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned}
 \text{Tổng lợi} \\
 \text{nhuận kế} \\
 \text{toán trước} &= 636.652.211 + (537.652.211) = 99.000.000 \\
 \text{thuế}
 \end{aligned}$$

Biểu 2.33 : Phiếu kế toán
CTY TNHH
CN AQ HP

PHIẾU KẾ TOÁN
Số 88

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

TT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển DTBH	511	911	82.456.941.431
2	Kết chuyển DTHDTC	515	911	12.006.343
	Cộng			82.468.947.774

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập
(Kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.34 : Phiếu kế toán
CTY TNHH
CN AQ HP

PHIẾU KẾ TOÁN
Số 89

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

TT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển GVHB	911	632	75.086.474.832
2	Kết chuyển CPTC	911	635	549.658.554
3	Kết chuyển CP BH	911	641	2.986.924.736
4	Kết chuyển CP QLDN	911	642	3.746.889.652
5	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	21.780.000
6	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	77.220.000
	Cộng			82.468.947.774

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập
(Kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.35 : Chứng từ ghi sổ**Cty TNHH CN AQ Hải Phòng****Chứng từ ghi sổ**

Số 33/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Trích yếu	TK Nợ	TK Có	Tiền nợ
Kết chuyển DTBH	511	911	82.456.941.431
Kết chuyển DTHDTC	515	911	12.006.343
Cộng			82.468.947.774

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập
(Kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.36 : Chứng từ ghi sổ**Cty TNHH CN AQ Hải Phòng****Chứng từ ghi sổ**

Số 34/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Trích yếu	TK Nợ	TK Có	Tiền nợ
Kết chuyển GVHB	911	632	75.086.474.832
Kết chuyển CPTC	911	635	549.658.554
Kết chuyển CP BH	911	641	2.986.924.736
Kết chuyển CP QLDN	911	642	3.746.889.652
Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	21.780.000
Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	77.220.000
Cộng			82.468.947.774

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập
(Kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.37 : Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
Công ty TNHH CN ÁC QUY HP

Sổ đăng kí chứng từ ghi sổ
Năm 2015

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
SH	Ngày tháng	
03/01	31/01/2015	11.570.343.743
04/01	31/01/2015	14.440.073.241
.....
25/12	31/12/2015	13.052.105.206
26/12	31/12/2015	12.261.327.737
27/12	31/12/2015	102.425.232
28/12	31/12/2015	403.339.272
29/12	31/12/2015	314.979.391
30/12	31/12/2015	12.006.343
.....
33/12	31/12/2015	82.468.947.774
34/12	31/12/2015	82.468.947.774
Cộng		360.676.706.351

Người lập
(Kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.38 : Sổ cái TK 911

**CTY TNHH
CN AQ HP**

SỔ CÁI
Tài khoản : 911
Năm 2015

Dư có đầu kỳ:
Phát sinh nợ: 82.468.947.774
Phát sinh có : 82.468.947.774
Dư có cuối kỳ :

Chứng từ ghi số		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	Ngày tháng			Nợ	Có
33/12	31/12	K/C DTBH	511	82.456.941.431	
33/12	31/12	K/C DTHTC	515	12.006.343	
34/12	31/12	K/C GVHB	632		75.086.474.832
34/12	31/12	K/C CPTC	635		549.658.554
34/12	31/12	K/C CPBH	641		2.986.924.736
34/12	31/12	K/C CPQLDN	642		3.746.889.652
34/12	31/12	K/C chi phí thuế TNDN	821		21.780.000
34/12	31/12	K/C lợi nhuận sau thuế	421		77.220.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập
(Kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.39 : Sổ cái TK 821

CTY TNHH

SỔ CÁI

Dư có đầu kỳ:

CN AQ HP

Tài khoản : 821

Phát sinh nợ: 21.780.000

Năm 2015

Phát sinh có : 21.780.000

Dư có cuối kỳ :

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TKĐ U'	Số tiền	
SH	Ngày tháng			Nợ	Có
34/12	31/12	Xác định thuế TNDN	3334	21.780.000	
34/12	31/12	K/C CP thuế TNDN	911		21.780.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập
(Kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.40 : Sổ cái TK 4212

CTY TNHH

SỔ CÁI

Dư có đầu kỳ: 213.878.869

CN AQ HP

Tài khoản : 4212

Phát sinh nợ: 2.806.966.507

Năm 2015

Phát sinh có : 2.820.970.580

Dư có cuối kỳ : 227.882.913

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TKĐU'	Số tiền	
SH	Ngày tháng			Nợ	Có
....	
34/12	35/12	K/C lãi	911		77.220.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập
(Kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, ghi rõ họ tên)

CHƯƠNG III**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP ẮC QUY HẢI PHÒNG****3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Công nghiệp Ắc quy Hải Phòng**

Công ty TNHH Công nghiệp Ắc quy Hải Phòng là doanh nghiệp luôn có những chuyển biến tích cực trong hoạt động kinh doanh và cũng có chỗ đứng nhất định trên thị trường.

Ngày nay, khi mà nền kinh tế thị trường ngày càng đa dạng với nhiều thành phần kinh tế, nhiều loại hình Công ty, nhiều phương thức kinh doanh, sự cạnh tranh diễn ra ngày càng gay gắt. Nếu các doanh nghiệp không thể thích nghi được với những điều kiện khắt khe đó sẽ có nguy cơ rơi vào tình trạng phá sản, giải thể. Để giữ vững và phát huy những thành quả đã đạt được, Công ty luôn đề ra những phương hướng, giải pháp thích hợp nhằm bắt kịp với sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Điều đó có được là do Công ty đã biến nắm bắt và phân tích đúng đắn nhu cầu thực tế.

Công ty luôn cố gắng đẩy mạnh việc tìm kiếm những khách hàng mới, mở rộng phạm vi hoạt động, cải thiện cơ sở vật chất và tạo môi trường làm việc tốt cho nhân viên.

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu về Công ty TNHH Công nghiệp Ắc quy Hải Phòng, được tiếp nhận với thực tế công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cùng với sự giúp đỡ của các nhân viên phòng kế toán, em đã có điều kiện làm quen với thực tế và áp dụng, củng cố những kiến thức đã có điều kiện làm quen với thực tế và áp dụng, củng cố những kiến thức đã học tại nhà trường. Qua đó, em xin đưa ra một số ý kiến nhận xét và giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại về Công ty TNHH Công nghiệp Ắc quy Hải Phòng.

3.1.1. Ưu điểm**❖ Về bộ máy quản lý**

Công ty xây dựng một bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến chức năng, gọn nhẹ, hợp lý và chất lượng công việc cao.

❖ Về bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của Công ty áp dụng theo mô hình tập trung có nhiều ưu điểm, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty, phản ánh đầy đủ nội dung hạch toán, đáp ứng nhu cầu quản lý. Công ty đã xây dựng bộ máy kế toán tại văn phòng Công ty, trong đó kế toán trưởng là người đứng đầu giám sát và quản lý mọi việc. Việc bố trí và xây dựng bộ máy kế toán trưởng là người đứng đầu giám sát và quản lý mọi việc. Việc bố trí và xây dựng bộ máy kế toán như vậy tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát, hạch toán nhanh chóng, kịp thời của kế toán đối với các hoạt động phát sinh tại Công ty, chuyên môn hóa công việc, tạo điều kiện cho đội ngũ kế toán nâng cao trình độ nghiệp vụ, hạn chế những khó khăn trong việc phân công lao động.

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức có hệ thống, có kế hoạch, có sự phối hợp chặt chẽ, được chỉ đạo thống nhất từ trên xuống dưới, công việc được thực hiện thường xuyên, liên tục, các báo cáo kế toán được lập nhanh chóng, đảm bảo cho việc cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác, phục vụ cho công tác quản lý của Công ty.

❖ Về đội ngũ kế toán của Công ty

Công ty có đội ngũ kế toán nhiệt tình, tâm huyết, luôn cố gắng trau dồi kiến thức và khả năng động với công việc. Hầu hết các kế toán viên đều có trình độ chuyên môn tương đối tốt, thích nghi nhanh với công việc. Trong quá trình làm việc, các nhân viên luôn mạnh dạn đề xuất ý kiến, đưa ra trao đổi, bàn bạc các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ để hoàn thiện tổ chức công tác kế toán của Công ty.

❖ Về tổ chức, vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán

Hệ thống tài khoản kế toán của doanh nghiệp đều theo hệ thống tài khoản kế toán của quyết định 48/2006/ QĐ – BTC. Về cơ bản, Công ty đã tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán theo đúng quy định của Bộ Tài chính. Ngoài ra còn để tiện cho việc theo dõi và hạch toán, công ty còn mở thêm các tài khoản cấp 2 và cấp 3 để tiện cho việc theo dõi và hạch toán.

❖ Về hệ thống sổ kế toán

Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty là hình thức Chứng từ ghi sổ. Đây là hình thức chi tiết, theo dõi sát hơn.

3.1.2. Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm đã đạt được, việc tổ chức công tác kế toán tại Công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế gây khó khăn cho công tác kế toán tại doanh nghiệp như:

❖ Về hình thức kế toán

Công ty đã trang bị hệ thống bị hệ thống máy vi tính, tuy nhiên Công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán mà vẫn thực hiện thủ công trên Excel nên dễ dẫn đến việc xảy ra nhầm lẫn sai sót.

❖ Về hệ thống sổ sách kế toán, tài khoản kế toán

- Công ty chưa áp dụng đúng hệ thống TK theo QĐ 48 về tài TK 641 và 642
- Chưa mở sổ chi tiết bán hàng và giá vốn hàng bán
- Mẫu sổ cái chưa đúng với sổ cái hình thức CTGS

❖ Về trích lập dự phòng phải thu và chiết khấu thanh toán

- Chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi
- Chưa xây dựng chính sách chiết khấu thanh toán

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Công nghiệp ắc quy Hải Phòng

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Công nghiệp ắc quy Hải Phòng.

Khi Việt Nam chuyển sang nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phải quan tâm nhiều hơn về sản phẩm và hoạt động sản xuất kinh doanh của họ. Do vậy các doanh nghiệp rất cần các thông tin chính xác đầy đủ kịp thời về tình hình tiêu thụ lãi lỗ thực tế của doanh nghiệp. những thông tin này có thể lấy từ nhiều nguồn khác nhau nên phải có sự thu thập chọn lựa thông tin. Thu thập thông tin từ phòng kế toán là việc doanh nghiệp vẫn luôn được thực hiện.

3.2.2. Một số nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện công tác kế toán

Trong cơ chế thị trường, công tác kế toán ngày càng thể hiện vai trò quan trọng trong việc quản lý nền kinh tế nói chung và trong mỗi doanh nghiệp nói riêng. Vì vậy vấn đề hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là sự cần thiết khách quan và cần phải dựa vào một số nguyên tắc:

- Nguyên tắc thống nhất
 - Đảm bảo sự thống nhất từ trung ương đến cơ sở.
 - Đảm bảo sự thống nhất giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh.
 - Đảm bảo sự thống nhất về hệ thống chứng từ tài khoản, sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán.
- Thực hiện đúng chế độ nhà nước ban hành
- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học phù hợp với đặc điểm tính chất kinh doanh của doanh nghiệp. đơn vị phải có đội ngũ nhân viên kế toán hiểu biết nghiệp vụ kế toán.
- Tiếp cận chuẩn mực quốc tế, áp dụng phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp.
- Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác kịp thời, đầy đủ về mọi mặt của hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp, kịp thời phục vụ cho việc chỉ đạo quá trình kinh doanh.

3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Công nghiệp Ấc quy Hải Phòng

3.2.3.1. Ý kiến 1: Mở sổ cái đúng hình thức Chứng từ ghi sổ

Ví dụ 1 : Sổ cái 511

Biểu 3.1 : Sổ cái TK 511**CTY TNHH CN AQ HP****SỔ CÁI**

Năm 2015

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Chứng từ ghi số		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		SĐĐK			
..
25/12	31/12	Tổng hợp DTBH PS trong tháng 12	112		4.516.000.000
			131		8.536.105.200
33/12	31/12	Kết chuyển GVHB	911	82.456.941.431	
		Cộng SPS		82.456.941.431	82.456.941.431
		SĐCK			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập
(Kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, ghi rõ họ tên)

3.2.3.2. Ý kiến 2: Mở sổ chi tiết bán hàng và sổ chi tiết giá vốn hàng bán

Do danh mục hàng hóa Ác quy của DN khá đa dạng. do vậy theo em công ty nên lập thêm sổ chi tiết tài khoản... như vậy bộ phận kế toán sẽ dễ dàng hơn trong việc quản lý sổ sách chứng từ và sẽ xác định được mặt hàng kinh doanh nào mang lại hiệu quả cao nhất.

Ví dụ 2 : Sổ chi tiết TK 511, TK 632 của đối tượng mặt hàng AQXM 12V-4A

Bảng 3.2: Sổ chi tiết TK 511**CTY TNHH CN AQ HP****Mẫu số:S17-DNN***(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC**Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): AQXM 12V-4A

Năm: 2015

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
								
15/12	HĐ835	15/12	Bán hàng cho cty Vân Long	131	2.000	284.091	568.182.000		
								
20/12	HĐ850	20/12	Bán hàng cho cty Hải Trường	131	2.750	290.345	798.450.000		
								
			Công		100.782		3.312.116.000		

Người ghi sổ
(ký, họ và tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Kế toán trưởng
(ký, họ và tên)

Bảng 3.3: Sổ chi tiết TK 632**CTY TNHH CN AQ HP****Mẫu số:S18-DNN***(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản:632

Tên sản phẩm, dịch vụ: AQXM 12V-4A

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Ghi nợ tài khoản 632		
	SH	NT			Tổng số tiền	Chi tiết	
						Số lượng	Đơn giá
						
15/12	HĐ835	15/12	Bán hàng cho Cty Vân Long	155	409.844.000	2000	168.922
						
			Cộng phát sinh		2.512.406.000	100.782	

Người ghi sổ
(ký, họ và tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Kế toán trưởng
(ký, họ và tên)

3.2.3.3. Ý kiến 3: Mở sổ chi tiết chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Công ty nên sử dụng 642 – Chi phí quản lý kinh doanh đúng theo QĐ 48 và mở sổ chi tiết cho 2 tài khoản cấp 2 là 6421 – Chi phí bán hàng và 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp .

Ví dụ 3 : Sổ chi tiết TK 6421 và 6422

Biểu 3.4 : Sổ chi tiết TK 6422

CTY TNHH CN AQ HP

Mẫu số: S18-DNN

(Ban hành theo số : 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 6422

Năm 2015

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Ghi nợ tài khoản 6422					
	SH	NT			Tổng số tiền	Chia ra				
						6422.1	6422.2	...	6422.7	6422.8
									
08/12	PC 104	08/ 12	Thanh toán tiền điện thoại T11	111	1.168.340				1.168.340	
									
			Cộng phát sinh		3.746.889.652	708.279.501	8.688.483	...	142.756.004	2.457.165.664

Người ghi sổ
(ký, họ và tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Kế toán trưởng
(ký, họ và tên)

Biểu 3.5 : Sổ chi tiết TK 6421

CTY TNHH CN AQ HP

Mẫu số:S18-DNN
(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 6421

Năm 2015

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Ghi nợ tài khoản 6421					
	SH	Ngày			Tổng số tiền	Chia ra				
						6421.1	6421.2	...	6421.7	6421.8
									
10/12	PC251	10/12	Chi phí tiếp khách PVBH ở Quảng Ninh	111	12.000.000				12.000.000	
									
			Cộng phát sinh		2.986.924.736	1.795.931.979	146.051.980	...	5.016.063	1.013.342.945

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(ký, họ và tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ và tên)

3.2.3.4. Ý kiến 4 : Hoàn thiện về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hóa, thành phẩm

Hiện nay công ty chưa áp dụng chính sách chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn và thanh toán sớm. Vì vậy, để thu hút được nhiều khách hàng mới mà vẫn giữ được những khách hàng lâu năm, để tăng doanh thu, lợi nhuận, công ty nên có chính sách khuyến khích người mua hàng với số lượng lớn bằng cách áp dụng chính sách chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán cho khách hàng thanh toán sớm.

❖ Công ty có thể áp dụng chiết khấu thương mại trong một số trường hợp sau:

- Đối với khách hàng thường xuyên ký kết hợp đồng giá trị lớn công ty có thể giảm giá trị hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm nào đó trên tổng giá trị hợp đồng.

- Đối với khách hàng lần đầu có mối quan hệ mua bán với công ty nhưng mua hàng với khối lượng lớn, công ty có thể áp dụng tỷ lệ chiết khấu cao hơn nhằm khuyến khích khách hàng có mối quan hệ thường xuyên với mình, tạo lợi thế cạnh tranh với doanh nghiệp có cùng mặt hàng với công ty.

Để hạch toán chiết khấu thương mại công ty sử dụng tài khoản 521- Chiết khấu thương mại. khi hạch toán phải đảm bảo: chỉ hạch toán vào tài khoản này khi mà người mua được hưởng. trong trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt mức chiết khấu thì khoản này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn cuối cùng. Trường hợp khi số tiền chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn bán hàng lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua.

Phương pháp hạch toán như sau:

- Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ, kế toán ghi:

Nợ TK 5211 – CKTM (số tiền đã trừ thuế GTGT phải nộp)

Nợ TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp

Có TK 111,112 – trả lại khách hàng bằng tiền

Có TK 131 – trừ vào nợ phải thu

- Cuối kỳ, kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận cho người mua sang tài khoản 511 để xác nhận doanh thu thuần.

Nợ TK 511- Số CKTM thực tế phát sinh trong kỳ

Có TK 5211 – Số CKTM thực tế phát sinh trong kỳ

❖ Chiết khấu thanh toán là số tiền giảm trừ cho người mua do người mua thanh toán tiền hàng trước thời hạn quy định trên hợp đồng hoặc trong bản cam kết. số tiền chiết khấu này được hạch toán vào TK 635- chi phí hoạt động tài chính.

Công ty nên xây dựng mức chiết khấu theo thời gian thanh toán cho khách hàng dựa trên nhiều yếu tố như:

- Số tiền mua hàng phát sinh
- Thời gian thanh toán tiền hàng
- Lãi suất cho vay của ngân hàng

❖ Tỷ lệ cụ thể:

Thời hạn trả trước	Tỷ lệ chiết khấu
Trả trước ½ tháng	0,6% / tháng
Trả trước 16 đến 30 ngày	0,8% / tháng
Trả trước >1 tháng	1% / tháng

Hạch toán chiết khấu thanh toán

Nợ TK 635

Có TK 131 – trừ vào công nợ phải thu

Có TK 111,112 – chi trả bằng tiền cho khách hàng

Với các biện pháp khuyến mại này không những công ty có thể giữ được khách hàng truyền thống mà còn tăng được khách hàng mới trong tương lai vì có sự ưu đãi của công ty trong việc bán hàng và thanh toán, giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Ví dụ 4: Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Ngọc Hải ngày 16/11/2015 mua lô hàng 3000 bình AQ 7V trị giá thanh toán 1.018.011.940 bao gồm 10% thuế GTGT, chưa thanh toán. Công ty cho công ty Ngọc Hải hạn thanh toán 1 tháng kể từ ngày mua hàng (công ty sẽ áp dụng % CKTT nếu công ty thanh toán sớm trước hạn theo như ghi trong hợp đồng)

Ngày 30/11/2015 công ty Ngọc Hải đã thanh toán hết tiền hàng nên Công ty áp dụng CKTT cho Ngọc Hải là 0.6% do thanh toán trước ½ tháng. Tiền hưởng CKTT sẽ bù trừ luôn vào công nợ đơn hàng ngày 16/11/2015.

Kế toán định khoản :

Nợ 635 : 2.036.024

Có 131 : 2.036.024

$(1.018.011.940 \times 0.6\%) / 30 \times 15 = 30.540.358$

3.2.3.5. Ý kiến 5: Hoàn thiện về việc trích lập phải thu khó đòi

Hiện nay so với quy mô của doanh nghiệp thì các khoản nợ phải thu của khách hàng tại công ty là tương đối lớn điều này không chỉ gây khó khăn cho công ty trong công việc huy động vốn mà còn gây trở ngại lớn đến vấn đề đầu tư của doanh nghiệp. Vì vậy, bên cạnh việc công ty nên có những biện pháp để khuyến khích khách hàng thanh toán sớm thì đồng thời công ty cũng nên trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nhằm giúp cho tình hình tài chính của công ty có thể tự chủ được và không bị biến động nhiều khi có những khoản nợ không đòi được.

Dự phòng phải thu khó đòi là: dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách hàng không có khả năng thanh toán.

Các khoản nợ phải thu khó đòi đảm bảo các điều kiện sau:

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đòi chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, đối chiếu công nợ và các chứng khác.

- Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ thu khó đòi:

+ nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa được.

+ nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Các khoản không đủ căn cứ để xác định nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

Phương pháp dự phòng:

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi trên.

Theo thông tư 228/2009/TT - BTC ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng là:

Thời gian quá hạn thanh toán	Mức dự phòng cần trích lập
6 tháng $\leq t < 1$ năm	30% giá trị nợ phải thu quá hạn
1 năm $\leq t < 2$ năm	50% giá trị nợ phải thu quá hạn
2 năm $\leq t < 3$ năm	70% giá trị nợ phải thu quá hạn
≥ 3 năm	100% giá trị phải thu quá hạn

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được và trích lập dự phòng.

- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

- TK sử dụng TK 1592: dự phòng phải thu khó đòi

- Phương pháp hạch toán:

- Ngày 31/12/N trích lập dự phòng phải thu khó đòi năm N + 1

Nợ TK 642

Có TK 1592

- Trong năm N + 1 khi phát sinh tổn thất thực tế căn cứ vào quyết định cho phép xóa sổ nợ phải thu khó đòi, kế toán ghi:

Nợ TK 1592

Nợ TK 642

Có TK 131, 138...

Đồng thời ghi nợ TK 004

- Các khoản nợ phải thu khó đòi sau khi có quyết định xử lý xóa sổ doanh nghiệp vẫn phải theo dõi riêng trên sổ kế toán và trên TK 004 trong thời gian tối thiểu 5 năm và tiếp tục có biện pháp thu hồi.

- Tại ngày 31/12/N + 1

+ nếu số dự phòng phải trích bằng số dư khoản nợ dự phòng nợ phải thu khó đòi thì doanh nghiệp không phải trích lập.

+ Nếu số dự phòng phải trích lớn hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi thì doanh nghiệp phải nhập phần chênh lệch vào thu nhập khác.

Ví dụ 5: Trích lập dự phòng phải thu khó đòi của công ty TNHH Công nghiệp Ấc quy Hải Phòng

Bảng 3.6: Bảng tổng hợp công nợ**BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ**

Ngày 31/12/2015

Tên khách hàng	Số tiền	Trong đó nợ						Không đòi được ...
		Chưa đến hạn trả	Đến hạn trả	Quá hạn trả				
				6 tháng \leq t < 1 năm	1 năm \leq t < 2 năm	2 năm \leq t < 3 năm	\geq 3 năm	
...		
Công ty TNHH Công Thành	237.568.000	125.460.000	112.108.000					
Công ty cổ phần Bình Minh	546.493.639	373.540.350	75,076.300	97.876.980				
...		
Cộng	2.577.215.570	1.030.238.960	950.436.250	267.933.800	204.050.520	124.556.040		

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

- Kế toán tính toán được mức trích lập dự phòng là:

$$267.933.800 \times 30\% + 204.050.520 \times 50\% + 124.556.040 \times 70\% = 269.594.628$$

- Kế toán định khoản:

Nợ TK 642: 269.594.628

Có TK 1592: 269.594.628

3.2.3.6. Ý kiến 6: Hoàn thiện về việc tăng cường công tác thu hồi nợ

❖ Chính sách thu hồi nợ:

Hiện nay công ty TNHH Công nghiệp Ấc quy Hải Phòng là một doanh nghiệp có lượng khách tương đối nhiều, việc bán hàng không thể tránh khỏi các khoản nợ của khách hàng, do đó gây khó khăn trong công tác quay vòng vốn của doanh nghiệp. Vấn đề đặt ra cần phải có những chính sách thu hồi nợ phù hợp đáp ứng tình hình kinh doanh của doanh nghiệp nhằm mang lại sự ổn định về tài chính cho công ty. Để thực hiện tốt chính sách thu hồi nợ doanh nghiệp nên đề ra những biện pháp:

- Giao nhiệm vụ cho kế toán để quản lý chặt chẽ và chi tiết các khoản nợ phải thu.
- Đến hạn trả tiền mà khách hàng chưa trả tiền thì Doanh Nghiệp nên đến các công ty đó để thông báo và xác nhận lại các khoản nợ của khách hàng.
- Phải thường xuyên quan tâm, đốc thúc các khách hàng nợ tiền và những người liên quan tham gia sát sao vào công tác thu hồi nợ.
- Có chế độ thưởng phạt rõ ràng cho những cá nhân đạt thành tích tốt trong công tác thu hồi nợ cũng như các cá nhân hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Các biện pháp thu hồi nợ phải đảm bảo hai nguyên tắc:

- + Lợi ích công ty không bị xâm hại
- + Không mất đi bạn hàng

Doanh nghiệp hiện không áp dụng các chính sách cần thiết trong việc thu hồi nợ một cách nhanh chóng dẫn đến việc khó khăn trong công tác thu hồi các khoản nợ. do đó, doanh nghiệp nên đưa ra các chính sách thu hồi vốn và khuyến khích khách hàng trả nợ trước hạn, trong đó quan trọng và triệt để hơn cả là chính sách chiết khấu thanh toán: Là một trong những biện pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, đẩy mạnh số lượng tiêu thụ và rút ngắn vòng quay vốn và rút ngắn vòng quay vốn, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

KẾT LUẬN

Hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp chiếm vị trí, vai trò quan trọng trong qua trình sản xuất kinh doanh tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp. Thông qua hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh người quản lý doanh nghiệp, các đối tượng cần tìm hiểu và doanh nghiệp biết được doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả hay không, từ đó có những quyết định đầu tư đối với các nhà đầu tư.

Trong quá trình học tập và thời gian tìm hiểu thực tế cùng với sự chỉ bảo của cán bộ nhân viên phòng kế toán tại **Công ty TNHH Công nghiệp Ấc quy Hải Phòng** em đã quyết định chọn đề tài “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Công nghiệp Ấc quy Hải Phòng” làm đề tài thực hiện khóa luận tốt nghiệp của mình. Trong bài khóa luận này em đã mạnh dạn đưa ra một số ý kiến đóng góp để góp phần hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Công nghiệp Ấc quy Hải Phòng. Với kiến thức còn nhiều hạn chế và khả năng tìm hiểu thực tế chưa cao nên bài viết của em còn nhiều thiếu sót. Kính mong nhận được sự thông cảm và đóng góp ý kiến đánh giá của các thầy cô giáo.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn **Ths. Phạm Văn Tường** và toàn thể cán bộ nhân viên trong phòng kế toán của Công ty TNHH Công nghiệp Ấc quy Hải Phòng đã giúp đỡ em hoàn thành đề tài này.

Hải phòng, ngày 30 tháng 6 năm 2016

Sinh viên

Lê Ngọc Thái